



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN**

# **BÀI TRÙ HỦ TỤC ĐỂ CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN**



**NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**



**NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA DÂN TỘC**



BÀI TRỪ HỦ TỤC  
ĐỂ CUỘC SỐNG  
TỐT ĐẸP HƠN

# **HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng**

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

**Phó Chủ tịch Hội đồng**

TS. HOÀNG PHONG HÀ

**Thành viên**

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**VI HOÀNG - HÀ ANH**

**(Biên soạn)**

**BÀI TRỪ HỦ TỤC  
ĐỂ CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP  
HƠN**

**NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**

**NHÀ XUẤT BẢN  
VĂN HÓA DÂN TỘC**

**HÀ NỘI - 2014**



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trình độ phát triển chênh lệch, do vậy, xã hội của nhiều tộc người còn bị chi phối sâu sắc bởi hệ thống tín ngưỡng, phong tục cổ truyền. Mỗi tộc người, mỗi nhóm người, mỗi vùng miền có những đặc thù văn hóa khác nhau, những phương cách ứng xử khác nhau, mức độ chi phối sâu sắc khác nhau.

Hủ tục là phong tục, tập quán đã lỗi thời, lạc hậu, làm cản trở tiến trình phát triển. Lâu nay, những hủ tục thường mang màu sắc mê tín đã trở thành vật cản, là gánh nặng truyền đời đối với các cộng đồng người, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, trở thành vật cản đối với sự phát triển, tiến bộ khiến cho đời sống của đồng bào trở nên nghèo đói, lạc hậu.

Thực hiện Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc xuất bản cuốn sách ***Bài trừ hủ tục để cuộc sống tốt đẹp hơn***.

Cuốn sách cung cấp những thông tin, kiến thức cần thiết để nhận biết các hủ tục trong đời sống sinh hoạt, sản xuất và tín ngưỡng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phân tích tác hại, nguyên nhân tồn tại của các hủ tục; đưa ra các giải pháp nhằm vận động người dân từng bước thay đổi nhận thức, việc làm để bài trừ những tập tục lạc hậu. Cuốn sách có thể dùng để cán bộ cơ sở tham khảo, vận dụng phục vụ

cho công tác tuyên truyền vận động bài trừ hủ tục ở vùng dân tộc thiểu số.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 11 năm 2014*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT



## LỜI NÓI ĐẦU

Bản sắc văn hóa Việt Nam được hình thành và bồi đắp trên nền tảng văn hóa của 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc đều có những phong tục, tập quán mang những nét độc đáo, đặc sắc rất riêng. Bên cạnh những phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp, hiện nay tại các bản, làng vùng sâu, vùng xa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn tồn tại những hủ tục đã ăn sâu, bám rễ trong đời sống sinh hoạt, sản xuất và tín ngưỡng... của đồng bào; trở thành vật cản đối với sự phát triển, tiến bộ khiến cho đời sống của đồng bào càng trở nên đói nghèo và lạc hậu.

Sở dĩ hủ tục vẫn còn tồn tại là do nhận thức của đồng bào còn hạn chế, một bộ phận không nhỏ đồng bào ta vẫn chưa phân biệt rõ cái đúng, cái sai, cái lợi, cái hại của những tập tục từ xưa để lại. Hơn nữa, lại bị một số người xấu trong xã hội lợi dụng.

Để xóa đói giảm nghèo, phát triển cùng cả nước, đồng bào các dân tộc cần đẩy lùi các hủ tục; tiếp cận với văn minh, tiến bộ theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

Cuốn sách ***Bài trừ hủ tục để cuộc sống tốt đẹp hơn*** nhằm giúp đồng bào hiểu đúng về hủ tục để tích cực bài trừ, xây dựng cuộc sống tiến bộ, văn minh.

TÁC GIẢ

# I

## HỦ TỤC - RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

*Phong tục, tập quán các dân tộc được hình thành từ lịch sử phát triển tộc người, nó phản ánh những nhận thức, những quan niệm, những thói quen của mỗi tộc người trong đời sống sinh hoạt, sản xuất; trong tín ngưỡng, tâm linh... Trải qua thời gian lịch sử và biến đổi xã hội, nhiều phong tục, tập quán dần trở nên lạc hậu; nếu không lựa chọn, loại thải hoặc thu nhận, bồi đắp thêm những điều mới mẻ, tốt đẹp cho phù hợp với đời sống hiện tại thì nó sẽ trở thành hủ tục.*

### 1. Hủ tục là gì? Nhận diện hủ tục?

#### ***Trả lời:***

Theo các nhà nghiên cứu văn hóa thì hủ tục là các phong tục, tập quán (hay còn gọi chung là tập tục) đã lạc hậu, lỗi thời. Những phong tục, tập quán đó không còn chức năng xã hội, không còn phù hợp với đời sống đương đại, có tác động xấu và trở thành vật cản cho sự tiến bộ xã hội.

Phong tục, tập quán là những hành vi được lặp đi, lặp lại nhiều lần trở thành những thói quen gắn với

đời sống của một cộng đồng, chẳng hạn như: ăn, mặc, ở, giao tiếp, ứng xử..., dần ổn định thành nền nếp, được cộng đồng thừa nhận và tự giác thực hiện, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên tính tương đối thống nhất trong cộng đồng.

Phong tục, tập quán của một dân tộc, một địa phương, một tầng lớp xã hội, thậm chí của một dòng họ và gia tộc được hình thành và thể hiện qua nhiều mặt trong đời sống, bao gồm: phong tục liên quan tới vòng đời người như phong tục về sinh đẻ, trưởng thành, cưới hỏi, mừng thọ và lên lão; phong tục tang ma, cúng giỗ...; phong tục liên quan đến chu kỳ lao động của con người mà với cư dân nông nghiệp là từ làm đất gieo hạt, cấy hái đến thu hoạch; với ngư dân là theo mùa đánh bắt...; phong tục liên quan tới hoạt động của con người theo chu kỳ thời tiết trong năm: mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông...

Phong tục không mang tính cố định và bắt buộc như những quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nó cũng không tùy tiện, nhất thời như hoạt động sống thường ngày và trở thành tập quán xã hội tương đối bền vững, nhỏ hẹp thì trong phạm vi làng xã, rộng hơn thì bao trùm trong vùng, thậm chí quốc gia, dân tộc. Phong tục không phải là luật pháp, không có tính pháp định nhưng nhiều khi nó lại được cộng đồng thực hiện một cách tự nguyện và nghiêm túc hơn cả những quy định pháp luật. Ví dụ: Trong cưới hỏi, về mặt pháp lý, nam nữ đến tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, tự nguyện đến với nhau, sau khi đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú là đã thành vợ, thành chồng hợp

pháp. Nhưng không thể thiếu những nghi thức cưới hỏi theo phong tục truyền thống (bao gồm: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới).

Phong tục, tập quán tốt đẹp trong đời sống xã hội thể hiện qua cách ứng xử của mỗi cá nhân hay của cả cộng đồng (gia đình, làng bản...) đối với môi trường tự nhiên (đất đai, nguồn nước, cây rừng...); môi trường xã hội (quan hệ giữa con người với nhau từ trong gia đình, dòng tộc, làng bản...); phù hợp với hương ước, quy ước do cộng đồng thỏa thuận lập ra, được mọi người trong cộng đồng thừa nhận và tự nguyện thực hiện; phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu phát triển của cuộc sống hiện tại. Ví dụ như: phong tục thờ cúng tổ tiên, mừng thọ, cúng rừng, cúng bến nước (dân tộc Ê Đê); gộp phường (dân tộc Mường)...

Trái ngược với phong tục tập quán tốt đẹp, hủ tục là những ứng xử (gồm cả quan niệm và việc làm) của cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội mang tính kìm hãm, hủy hoại môi trường xã hội, môi trường tự nhiên, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, sức khỏe, nòi giống và nhận thức của đại đa số người dân; trái với các quy định của pháp luật; không phù hợp với xu thế tiến bộ của xã hội.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, trình độ phát triển giữa các dân tộc còn chênh lệch, xã hội của nhiều tộc người còn bị chi phối sâu sắc bởi hệ thống tín ngưỡng, phong tục cổ truyền. Mỗi tộc người, mỗi nhóm người, mỗi vùng miền có những đặc thù văn hóa khác nhau,

những phương cách ứng xử khác nhau nên mức độ chi phối của phong tục, tập quán cũng khác nhau. Bên cạnh những phong tục, tập quán tốt đẹp làm nên bản sắc văn hóa tộc người cần giữ gìn, phát huy thì đời sống xã hội hiện nay cũng chịu sự chi phối bởi những tập tục đã trở nên lạc hậu.

Tuy chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng hủ tục vẫn tồn tại và hiện diện trong nhiều mặt đời sống (trong canh tác, chăn nuôi; trong cưới xin, ma chay; trong sinh đẻ, nuôi dạy con cái; trong chữa bệnh; trong tín ngưỡng, lễ hội; trong ăn, ở, sinh hoạt hằng ngày...) của đồng bào và tiềm ẩn nguy cơ lan rộng, kể cả nguy cơ do kẻ xấu lợi dụng, kích động; tạo thành rào cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đồng bào có thể nhận diện hủ tục (phong tục, tập quán lạc hậu) qua một số biểu hiện như sau:

- Tập quán du canh, du cư; chặt phá, đốt rừng bừa bãi để làm nương rẫy; thả rông gia súc...

- Tập tục tổ chức đám cưới, đám tang, lễ hội nhiều ngày, ăn uống đình đám, chi tiêu lãng phí; trồng và hút thuốc phiện...

- Những tập tục lạc hậu trong ăn ở, sinh đẻ, chữa bệnh, hôn nhân, cưới hỏi, tang ma như: nuôi, nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn ở một số nơi có nhà sàn; không làm nhà xí, đi vệ sinh bừa bãi gây ô nhiễm môi trường; đẻ sớm, đẻ nhiều, đẻ dày; kiêng kỵ thiếu cơ sở khoa học trong sinh đẻ; làm chết trẻ sinh đôi, sinh ba ở một số dân tộc vì cho rằng sinh thừa là điềm xấu...; chữa bệnh bằng bùa phép của thầy cúng; tảo hôn, ép duyên, thách cưới; hôn nhân khép kín trong dòng tộc;

tục tang ma trải qua nhiều nghi thức, thủ tục, phụ thuộc vào thầy cúng, thầy mo xem ngày; phân biệt đối xử với người chết (người chết trẻ, chết không bình thường không được tang ma theo đúng thủ tục thông thường); chôn cất người chết tùy tiện, chôn chung mồ (người Giarai); tục vợ truyền, hoặc nối dây (nếu người chồng chết, người vợ phải lấy anh hoặc em chồng) ở một số dân tộc.

- Không cho con cháu đi học lên lớp cao, nhất là con gái, cho rằng chỉ cần biết đọc, biết viết là được, ở nhà lao động và lấy vợ, lấy chồng sớm để dòng họ được đông con nhiều cháu...

- Cúng bái, đốt vàng mã; mê tín dị đoan chỉ trông chờ vào sự phù hộ của trời đất, thần linh, tổ tiên... không có ý thức lao động, tinh thần tự chủ của bản thân; quan niệm có ma gà (dân tộc Tày), ma lai, thuốc thư (dân tộc Giarai, Bana)...

Phong tục, tập quán nói chung làm nên căn cốt, máu thịt bản sắc văn hóa một dân tộc. Nhưng nếu không biết phát huy những nét đẹp, loại trừ những yếu tố lỗi thời, lạc hậu trong tập tục truyền thống thì những phong tục, tập quán lạc hậu sẽ trở thành một trong những lực cản đối với sự phát triển, tiến bộ của một dân tộc. *Để giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, đồng bào các dân tộc cần phân biệt những phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp với những hủ tục để phát huy điều tốt đẹp và bài trừ những yếu tố lạc hậu, có hại.*

⊗ ***“Góp phước” - phong tục đẹp của người Mường***

“Góp phước” là một trong những phong tục đẹp

của người Mường ở Hòa Bình. Khi gia đình nào trong bản có việc cưới xin, ma chay, lễ lạt... đồng bào đều đến làm giúp và tự nguyện mang gạo, gà, rượu đến góp với gia chủ. Tục “góp phường” của đồng bào Mường quy định, gia đình có việc lớn như: cưới xin, làm nhà... đều phải báo cho dân bản biết trước 9 ngày để bà con có đủ thời gian chuẩn bị giúp đỡ. Trong thời gian 9 ngày đó, gia chủ nhận được sự giúp đỡ bằng hiện vật, bằng sức lao động. Người trong bản cùng chung tay dựng rạp, lấy củi, làm mặt bằng... Gia chủ lúc này chỉ phải lo những việc chính như mua sắm, làm lễ, rồi mời họ hàng, đón thầy mo.

Đối với người Mường ở Hòa Bình, phong tục “góp phường” là sợi dây cổ kết cộng đồng, thể hiện sự đoàn kết, tương trợ, tinh thần tương thân tương ái giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

### **☸ Lễ cúng rừng**

Sinh sống gần bó với rừng từ ngàn đời nay, hằng năm, vào mùa Tám tháng Giêng, đồng bào dân tộc thiểu số như Mông, Dao, Nùng, Phù Lá... ở vùng cao Lào Cai có phong tục tri ân rừng bằng lễ “song nam”, “nào sòng” hay “nhận sòng” (lễ cúng rừng) độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Để chuẩn bị cho lễ cúng rừng, các gia đình dọn dẹp nhà cửa, đường ngõ sạch sẽ; các thành viên trong gia đình đều mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình và đến tập trung ở khu rừng cấm của bản. Nhà nào cũng mang theo một ít lễ vật gồm xôi, bánh nếp mật, thịt gà hay lợn, rượu... để góp lễ.



Đúng giờ lành đã định, ông chầu chiếu (chủ tế) dẫn đầu đoàn người mang lễ vật lên một gốc cây to trong khu rừng cấm của bản để làm lễ cúng Thần Rừng, cầu mong mùa màng bội thu, con người mạnh khỏe và vạn vật sinh sôi, tươi tốt.

Sau phần lễ, mọi người cùng ký cam kết bảo vệ rừng và thi đấu các môn thể thao truyền thống như kéo co, đẩy gậy, đánh quay. Đây là phong tục đẹp, thể hiện sự gắn kết cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên, môi trường đồng bào cần phát huy.

## **2. Vì sao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại nhiều hủ tục?**

### ***Trả lời:***

Sở dĩ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa kinh tế chậm phát triển; đời sống vật chất (ăn, mặc, ở đi lại...) và đời sống tinh thần (xem, nghe, nhìn...) của đồng bào còn rất khó khăn, nhiều nơi còn nghèo đói; nhiều người còn mù chữ hoặc ít được học hành; chưa có đủ điều kiện để tiếp thu văn hoá - thông tin, khoa học - kỹ thuật, hiện đại. Do vậy sự tiến bộ, văn minh không đến được với đồng bào. Chính vì cuộc sống nghèo đói về nhiều mặt khiến đồng bào dễ bị mê muội, không vượt khó đi lên, có suy nghĩ ỷ lại vào sự che chở, phù hộ của đất trời, thần linh, tổ tiên cho cuộc sống mưu sinh bấp bênh của mình. Đây chính là điều kiện để cái lạc hậu, lỗi thời vẫn còn “đất” bám, và nếu có cơ hội là phục hồi, phát triển.

Mặt khác, những phong tục, tập quán, thói quen đã

tồn tại trong đời sống của đồng bào từ rất lâu, được lưu truyền qua rất nhiều thế hệ cho đến ngày hôm nay nên đồng bào không nhận thức rõ, không phân biệt được đâu là những phong tục tập quán tốt đẹp cần phải lưu giữ, phát huy; đâu là những yếu tố đã lỗi thời, lạc hậu, có hại cần phải được bài trừ.

### **3. Tại sao nói hủ tục là rào cản đối với sự phát triển ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số?**

#### ***Trả lời:***

Hủ tục biểu hiện trong mọi khía cạnh của đời sống, gắn liền và ăn sâu trong suy nghĩ và nếp sống của con người. Khi phong tục vượt ra ngoài giới hạn của văn hóa nó sẽ trở thành rào cản đối với sự phát triển của cá nhân, gia đình, dòng họ, tộc người và xã hội, thậm chí trở thành tệ nạn gây nguy hại đối với xã hội.

- Tập tục lạc hậu trong tang ma, cưới hỏi, làm nhà, lễ lạt, cúng bái... gây tốn kém, lãng phí tiền của và thời gian, dẫn đến nghèo đói.

- Tập tục lạc hậu trong ăn ở, hôn nhân, sinh đẻ, chữa bệnh ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và việc duy trì nòi giống.

- Tập tục cổ hủ trong chăm sóc, nuôi dạy con cái làm ảnh hưởng đến tương lai của con cháu, gây nên bất bình đẳng giữa nam và nữ.

- Tập quán lạc hậu trong canh tác và chăn nuôi làm cho sản xuất không phát triển, tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị hủy hoại.

- Tập tục lạc hậu trong tín ngưỡng, tâm linh ảnh hưởng đến đoàn kết trong cộng đồng, dễ bị kẻ xấu lợi dụng để truyền bá những điều trái với đạo lý và luật pháp, cản trở việc xây dựng làng, bản, buôn và gia đình văn hóa.

Như vậy, hủ tục đã làm ảnh hưởng đến nhiều mặt trong đời sống của đồng bào, chính vì vậy nó là rào cản đối với sự phát triển ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## II

### BÀI TRỪ HỦ TỤC

### ĐỂ XÂY ĐỜI SỐNG MỚI

Bài trừ hủ tục là làm thay đổi nhận thức của cá nhân, gia đình, dòng họ và cộng đồng về những mặt lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán nhằm loại thải những yếu tố lỗi thời, lạc hậu đó ra khỏi đời sống.

Cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Thực tế này do nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng đó là do trong sản xuất, sinh hoạt hằng ngày; trong cưới xin, tang ma, sinh đẻ, nuôi dạy con cái; trong tín ngưỡng... còn tồn tại nhiều tập tục lạc hậu, thậm chí tới mức hủ tục nặng nề, trở thành vật cản đối với sự phát triển, tiến bộ khiến cho đời sống của đồng bào còn tụt hậu, đói nghèo, bệnh tật. Muốn có cuộc sống no đủ, văn minh, tiến bộ thì đồng bào cần bài trừ những tập tục lạc hậu đó.

I. THAY ĐỔI TẬP QUÁN LẠC HẬU  
TRONG CANH TÁC, CHĂN NUÔI  
ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT,  
BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**1. Trong canh tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại tập quán lạc hậu gì? Làm thế nào để khắc phục?**

*Trả lời:*

Do đặc điểm về địa bàn cư trú, đa phần hoạt động kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số là sản xuất nương rẫy với công cụ hết sức thô sơ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên năng suất thấp và bấp bênh, trong canh tác còn tồn tại nhiều tập quán lạc hậu. Tuy mỗi vùng miền có những biểu hiện khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là:

- Tập quán du canh, du cư<sup>1</sup>, đốt phá rừng bừa bãi để làm nương rẫy; trồng tỉa theo mùa mưa và trồng chay (không bón phân, tưới nước để bảo vệ độ phì nhiêu của đất); cạo sạch bề mặt nương rẫy trước mùa tra tỉa hạt (rất phổ biến ở vùng đồi núi Tây Bắc, Việt Bắc); bỏ đất hoang hoá gây lãng phí tài nguyên đất, không thâm canh gối vụ, không biết đưa kỹ thuật tiên tiến vào canh tác.

- Thói quen sống dựa vào thiên nhiên, khai thác bừa bãi các nguồn lợi từ thiên nhiên như các loại gỗ quý, các

---

1. Du canh, du cư là tập quán canh tác và sinh hoạt không cố định ở một nơi của một số dân tộc thiểu số ở miền núi. Sau khi sử dụng hết độ phì nhiêu của một đám rẫy (khoảng từ 2, 3 đến 5, 7 năm tùy từng loại nương rẫy) lại bỏ hoá đi tìm đất mới (du canh). Khi nơi làm rẫy quá xa nơi ở, phải chuyển cư đến vùng đất mới (du cư). Cứ như vậy cả trồng trọt và cư trú đều không ổn định lâu dài, từ du canh dẫn đến du cư.

loại lâm sản, thú rừng; đánh bắt cá ở sông, suối bằng thuốc, mìn, điện...

Tập quán du canh, đốt phá rừng bừa bãi làm nương rẫy làm cho diện tích đất trống, đồi trọc tăng lên, diện tích rừng bị thu hẹp, nhanh chóng làm mất rừng, phá hoại môi sinh của các loài động thực vật; làm cho đất bị xói mòn, rửa trôi, bạc màu, không còn khả năng canh tác, lâu dài sẽ mất đất sản xuất. Việc chặt phá rừng đầu nguồn ở vùng đồi núi gây nên lũ ống, lũ quét về mùa mưa và khô hạn, cháy rừng vào mùa khô ở nhiều vùng như Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên; làm ảnh hưởng đến chế độ nước ở vùng đồng bằng, mùa mưa gây nên lụt, úng nghiêm trọng còn mùa khô thì thiếu nước, thu hẹp diện tích cây trồng (vụ đông xuân), đất bị bạc màu, chai cứng.



*Nhiều cánh rừng bị tàn phá để lấy đất làm nương, rẫy.*

Canh tác theo phương thức du canh, du cư cho năng suất thấp. Lối sống tạm bợ nay đây mai đó khiến trẻ em không được học hành; đồng bào không được dùng

điện, không được dùng nước sạch, ốm đau không được khám, chữa bệnh... Sản xuất và đời sống luôn trong tình trạng khó khăn, thiếu thốn là nguyên nhân làm chậm quá trình phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của tộc người.

Tập quán trồng tía theo mùa mưa, trồng chay là nguyên nhân dẫn tới đất bị suy thoái nhanh do cây trồng hằng năm lấy chất dinh dưỡng của đất mà không được bổ sung tiếp khiến năng suất cây trồng thấp và giảm đi nhanh chóng. Thực tế cho thấy ở những khu đất mới khai hoang, năng suất lúa nương có thể đạt 2 đến 2,5 tấn/ha, nhưng sau 3 vụ chỉ còn hơn 1 tấn/ha, thậm chí đến vụ thứ 4 là không cho thu hoạch. Những năm trời ít mưa, khô hạn kéo dài thì năng suất cây trồng giảm hẳn hoặc không cho thu hoạch.

Tập quán canh tác cạo sạch bề mặt đất dốc trước mùa gieo tía theo kinh nghiệm dân gian để diệt cỏ, diệt mầm sâu bệnh cho cây trồng, song lại là một kiểu canh tác làm suy thoái đất nhanh chóng. Gặp trời nắng hạn kéo dài, nước trong đất sẽ bốc hơi mạnh, làm thiếu độ ẩm cho cây trồng, gây hiện tượng kết vón đất. Gặp mưa đến sớm và cường độ mạnh khi cây trồng còn nhỏ, non thì xảy ra xói mòn rửa trôi đất và nhiều khi trôi cả cây trồng...

Ở một số nơi, đồng bào mới chỉ dựa vào kinh nghiệm sản xuất do cha ông để lại với kỹ thuật đơn giản, chủ yếu dựa vào tự nhiên và kiến thức bản địa; sản xuất mang tính tự túc, tự cấp, năng suất thấp, bấp bênh. Nuôi trồng những loại cây, con năng suất không cao, ít có giá trị trong thị trường nên chưa thoát nghèo được.

Thực tế cho thấy ở một số vùng đất rừng, đất vườn còn bỏ hoang rất nhiều, trong khi nhiều vùng đồng bào vẫn thiếu rau xanh để ăn hằng ngày dẫn đến thiếu chất, bệnh tật, ốm đau. Có nơi, đồng bào vẫn còn lén lút trồng cây thuốc phiện (cây anh túc), tạo điều kiện cho kẻ xấu lợi dụng để vận chuyển, buôn bán. Tác hại hơn là nhiều người đã mắc nghiện, của cải trong nhà bán hết, “thân tàn ma dại”, gây đau khổ cho gia đình, gây mất trật tự, an ninh cho làng bản và bức bối cho xã hội.

Thói quen sống dựa vào thiên nhiên, khai thác bừa bãi các nguồn lợi từ thiên nhiên sẽ làm cho tài nguyên cạn kiệt, môi trường sinh thái và đa dạng sinh học bị huỷ diệt, gây lũ lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét...

Đồng bào cần phải loại bỏ những tập quán lạc hậu trong canh tác để tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái bằng cách:

- Sống định canh định cư; không chặt phá, đốt rừng bừa bãi làm nương rẫy.

- Không khai thác bừa bãi các loại gỗ quý, các loại lâm sản, thú rừng; không đánh bắt cá ở sông, suối bằng thuốc, mìn, điện.

- Không bỏ đất hoang hóa; thiết kế ruộng, nương chống xói mòn, rửa trôi; thường xuyên chăm bón, cải tạo đất trồng sau mỗi mùa vụ bằng cách cày xới, bón phân để đất luôn màu mỡ cho năng suất cao; xây dựng hệ thống thủy lợi; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để thâm canh tăng vụ; chú ý khâu phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với



điều kiện khí hậu, đất đai, thị trường tiêu thụ; phát triển kinh tế vườn rừng, đầu tư cho chăn nuôi, đào ao thả cá, trồng lúa nước; trồng rừng và bảo vệ rừng; đa dạng hóa cây trồng trên nương rẫy. Ví dụ: ngoài trồng các cây lương thực tùy theo điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng ở vùng cư trú và khả năng đầu tư, thị trường tiêu thụ... đồng bào có thể trồng cây công nghiệp, cây cho giá trị kinh tế cao (tiêu, đào lộn hột, cà phê, mía, cam, chanh, tràu...), cây lấy gỗ, cây nhiên liệu (keo, tràm, bạch đàn, luồng...) để tạo nguồn thu nhập, thay thế canh tác nương rẫy.

- Thường xuyên học tập, trao đổi kinh nghiệm để phát triển các loại cây trồng có năng suất, giá trị thương phẩm cao, bán được giá trên thị trường.

- Tận dụng sự ưu đãi trong chính sách hỗ trợ định canh định cư của Nhà nước để có điều kiện thay đổi phương thức canh tác lạc hậu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

### ☞ Những việc cần làm để trồng trọt đạt hiệu quả

- Lựa chọn cây trồng phù hợp với loại đất canh tác của gia đình, ví dụ: với đất đồi núi dốc, bạc màu có thể trồng đỗ tương, cao su...; thường xuyên cải tạo đất bằng cách bón phân chuồng ủ hoai mục, trồng các loại cỏ chống bạc màu, rửa trôi đất (cỏ Goatemala, cây lạc dại...) để đất tơi xốp giúp cho việc trồng trọt đạt năng suất cao.

- Mua cây giống ở các cơ sở sản xuất giống có uy tín.
- Kết hợp trồng xen giữa cây trồng chính và cây trồng thời vụ để tăng thu nhập. Nên chọn cây trồng xen có tác dụng hỗ trợ cho cây trồng chính như hạn chế xói mòn đất,

hạn chế sâu bệnh hại cây, tăng hàm lượng mùn, đạm trong đất, có tác dụng giúp cây trồng chính tử gốc, diệt cỏ dại.

- Che tarp bảo vệ cây trồng trong thời gian mới trồng để bảo vệ cây khỏi bị chết; với các cây trồng trái vụ cũng cần che phủ cẩn thận để cây phát triển tốt.

- Chăm sóc, bón phân định kỳ và phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng.

- Chịu khó học hỏi, tiếp thu khoa học - kỹ thuật qua sách báo, kinh nghiệm từ những người xung quanh để tiếp cận với những giống cây trồng mới; áp dụng những biện pháp canh tác hiệu quả để nâng cao năng suất cây trồng.

## **2. Trong chăn nuôi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại tập quán lạc hậu gì? Cần làm gì để thay đổi những tập quán lạc hậu này?**

### ***Trả lời:***

Một trong những biểu hiện rõ rệt nhất trong tập quán chăn nuôi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số là chăn nuôi theo kiểu thả rông, nguồn thức ăn chủ yếu dựa vào thiên nhiên; chuồng trại hết sức tạm bợ, không hợp vệ sinh (không có đường cống rãnh thoát nước, không có bể xử lý phân, nước thải), nhiều gia đình nuôi hàng chục con trâu, bò nhưng chỉ rào khoanh một ô đất nhỏ gần nhà để nhốt, một số nơi còn nuôi, nhốt gia súc, gia cầm ngay dưới gầm sàn nhà ở.

Tập quán thả rông gia súc vào rừng nhất là trâu, bò đã có từ bao đời nay ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trước kia, diện tích rừng còn nhiều, đồng bào quan niệm: “Đất rừng mênh mông, làm gì mà không có chỗ cho trâu, bò ăn ở”, thả rông trâu, bò vào rừng không

tổn công sức chăm sóc, không phải mua thức ăn cho chúng. Vì vậy, trâu, bò được thả vào rừng phó mặc cho “trời đất trông coi”. Đến mùa làm ruộng, làm nương đồng bào vào rừng tìm bắt trâu về cày kéo, hết mùa vụ lại thả vào rừng, năm này qua năm khác.

Tuy nhiên, hiện nay do dân số tăng nhanh, rừng bị chặt phá, khai thác bừa bãi, nên diện tích chăn thả ngày một thu hẹp, nguồn thức ăn khan hiếm... dẫn đến tình trạng gia súc thả rông phá hoại cây trồng gây thiệt hại về kinh tế. Gia súc thả rông cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản làm bùng phát các dịch bệnh như lở mồm long móng, tụ huyết trùng... Các chất thải của gia súc thả rông gây ô nhiễm môi trường, có thể phát sinh dịch bệnh cho con người. Gia súc thả rông không được chăm sóc dẫn đến bị chết rét hàng loạt gây thiệt hại lớn về kinh tế cho người chăn nuôi. Ngoài ra, chăn nuôi gia súc theo kiểu thả rông sẽ gây ảnh hưởng lớn đến các thảm thực vật rừng. Vì khi nguồn thức ăn bị cạn kiệt, gia súc sẽ phải ăn cả lá già, những cành cây non và thậm chí cả những loại không thuộc nhóm cây mà chúng thường xuyên sử dụng làm hạn chế khả năng phát triển của nhiều loài cây, dẫn đến lớp thảm tươi dưới tán rừng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đất ở khu vực đàn gia súc thường xuyên đi lại bị dẫm chặt làm cho tầng đất mặt không được tơi xốp, thoáng khí; đồng thời việc giẫm đạp làm gãy, chết các cây non là nguyên nhân gây cản trở quá trình tái sinh rừng.

Bên cạnh đó, vào mùa đông giá rét, khi vào rừng để lùa đàn gia súc về, đồng bào thường đốt lửa sưởi ấm là

một trong những nguyên nhân dễ dẫn đến cháy rừng. Mặt khác, gia súc thả rông tại các khu vực công cộng, đường giao thông sẽ làm hư hỏng các công trình xây dựng, làm mất mỹ quan, gây ô nhiễm môi trường, có thể gây ra tai nạn cho người và phương tiện trên các tuyến đường giao thông. Không chỉ thiệt hại về kinh tế, việc thả rông gia súc còn là nguyên nhân phát sinh những mâu thuẫn giữa các chủ gia súc khi nhận nhầm gia súc của nhau, hoặc gây mâu thuẫn giữa hai vùng giáp ranh khi gia súc lạc bầy sang phá hoại nương rẫy ở vùng lân cận... Tập quán lạc hậu này cần phải loại bỏ. Theo Khoản 4 Điều 625 Bộ luật dân sự: trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại, thì chủ sở hữu súc vật thả rông phải bồi thường thiệt hại.

Việc làm chuồng trại không hợp vệ sinh; nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn nhà ở sẽ làm ô nhiễm môi trường sống. Chất thải gia súc, gia cầm ứ đọng là nguyên nhân để ruồi, muỗi có điều kiện sinh sôi, nảy nở. Những ngày nắng nóng mùi hôi thối bốc lên, khi mưa xuống nước tiểu và phân gia súc, gia cầm chảy vào các giếng nước, mố nước, khe suối làm ô nhiễm nguồn nước, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại dịch bệnh đối với người và vật nuôi.

Thả rông gia súc, làm chuồng trại chăn nuôi không hợp vệ sinh, nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm sàn nhà ở là tập quán đã ăn sâu vào đời sống của đồng bào các dân tộc, việc loại bỏ nó không hề dễ dàng. Tuy nhiên, chúng ta phải dứt khoát và quyết tâm thay đổi bằng được. Đồng bào cần nhận rõ tác hại để thay đổi cách nghĩ, cách làm, thực hiện di dời việc nuôi

nhốt gia súc, gia cầm ra khỏi gầm sàn nhà; làm chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, xa nơi ở; thường xuyên vệ sinh chuồng trại; không thả rông gia súc vào rừng; không chăn thả gia súc ở nơi công cộng, đường giao thông; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng bán công nghiệp (kết hợp giữa chăn thả và nuôi nhốt); trồng cỏ tạo nguồn thức ăn ổn định cho gia súc; tích trữ rơm rạ, thức ăn thô xanh cho gia súc về mùa đông. Tiêm phòng bệnh dịch cho gia súc, gia cầm; phòng, chống rét cho chúng khi mùa đông về... Có như vậy, chăn nuôi mới đạt hiệu quả, hạn chế dịch bệnh nẩy sinh, góp phần cải thiện kinh tế, xây dựng cảnh quan, môi trường trong gia đình, làng bản trong lành, sạch đẹp.

**➡ Những việc cần làm để chăn nuôi  
đạt kết quả tốt**

- Xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, có hầm biogas để xử lý phân, nước thải.
- Mua con giống ở những cơ sở giống có uy tín. Khi lựa chọn giống vật nuôi cần dựa vào trình độ, kinh nghiệm, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và chuồng trại của gia đình.
- Sử dụng nguồn thức ăn thô có trong tự nhiên như bèo, các loại rau, củ, quả nhà trồng được... kết hợp với thức ăn tinh như ngô, khoai, sắn, cám gạo và thức ăn hỗn hợp trong chăn nuôi hợp lý. Bên cạnh nguồn thức ăn có sẵn trong tự nhiên có thể tiến hành trồng thêm một số loại cây họ đậu và một số loại cỏ giàu dinh dưỡng để tăng thêm dưỡng chất cho gia súc, gia cầm. Để duy trì nguồn thức ăn ổn định cho gia súc vào mùa đông cần tiến hành ủ chua rơm khô, cỏ

xanh. Việc ủ chua rơm khô, cỏ xanh vừa giúp dự trữ nguồn thức ăn, giúp gia súc tiêu hóa tốt, vừa giúp giải quyết triệt để các phụ phẩm trong trồng trọt như thân cây bắp, cỏ voi, dây lạc, dây lang... Ngoài ra có thể làm thêm một số nghề phụ như nấu rượu, làm đậu phụ... để vừa tăng thêm thu nhập cho gia đình lại có thể sử dụng được bã rượu và bã đậu để chăn nuôi rất hiệu quả.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Thực hiện các biện pháp phòng, chống rét cho vật nuôi.

## II. BÀI TRỪ TẬP TỤC LẠC HẬU TRONG SINH HOẠT, CHI TIÊU, HÔN NHÂN, SINH ĐẺ, TANG MA ĐỂ TIẾT KIỆM TIỀN BẠC, BẢO VỆ SỨC KHOẺ VÀ NÒI GIỐNG

**1. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ tục gì? Cần phải làm gì để loại bỏ?**

***Trả lời:***

Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày ở vùng đồng bào các dân tộc còn tồn tại nhiều thói quen không tốt và hủ tục, biểu hiện ở nhiều mặt, nhiều lĩnh vực.

***Thứ nhất,*** đó là thói quen ăn, ở không hợp vệ sinh. Đây là hiện tượng còn tồn tại khá phổ biến ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, thể hiện ở chỗ nhiều gia đình không làm nhà vệ sinh, phóng uế bừa bãi ở bìa rừng, bờ suối; vứt rác thải, phơi phân trâu, phân bò dưới gầm

sàn nhà ở... gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Việc ăn, ở không hợp vệ sinh còn biểu hiện ở chỗ đồng bào quen sử dụng nguồn nước sẵn có trong tự nhiên (nước khe, suối, sông, ao, hồ,...) không qua bể lọc. Thậm chí uống nước lã (chưa được đun sôi)... Những thói quen này là nguyên nhân phát sinh và lây lan dịch bệnh. Đồng bào cần phải thay đổi thói quen này bằng cách làm nhà tiêu hợp vệ sinh, làm bể lọc nước sạch và thực hiện nghiêm túc việc ăn thức ăn đã nấu chín, uống nước đã đun sôi.

*Thứ hai*, đó là việc chi tiêu không có kế hoạch, làm đến đâu chi tiêu hết đến đấy, thậm chí nhiều người, nhiều gia đình còn chi tiêu vượt quá cả mức làm ra dẫn đến túng thiếu, đói nghèo. Hiện tượng “làm gang ăn sải”, làm ít ăn nhiều, không có tích lũy xảy ra khá phổ biến, nhất là chi vào lễ lạt, ăn uống, rượu chè khi vào nhà mới, trong đám cưới, đám tang là một tập tục gây lãng phí cần phải giảm bớt.

*Thứ ba*, đó là tục rượu chè triền miên từ ngày này sang ngày khác ảnh hưởng đến thời gian, tiền bạc và sức khỏe. Đồng bào cho rằng là bạn tốt với nhau phải mời nhau uống rượu. Đi chợ, đi hội gặp nhiều bạn, uống với mỗi người một chén thành ra say lúc nào không biết. Nhiều người còn cho rằng say rượu ở chợ là bằng chứng nói lên mình có nhiều bạn tốt và mình tốt với bạn. Điều đó không đúng, vì uống rượu rất có hại cho sức khỏe, men rượu ngấm vào dẫn đến không làm chủ được bản thân rất dễ gây tai nạn giao thông, gây mất trật tự công cộng, mất đoàn kết trong gia đình, cộng đồng. Đây cũng được coi là một hủ tục cần phải sớm loại bỏ.

Bên cạnh đó ở quan hệ ứng xử trong gia đình, dòng họ và cộng đồng... cũng vẫn còn tồn tại nhiều yếu tố bảo thủ, lạc hậu, ví dụ như: phụ nữ không được ngồi chung mâm với đàn ông, con gái không được đi học hoặc không được học lên lớp trên... biểu hiện tư tưởng trọng nam, khinh nữ. Nhiều người cho rằng như vậy là bình thường, là duy trì tôn ti, trật tự... Hiểu như vậy là sai bởi pháp luật quy định phụ nữ và nam giới đều có quyền bình đẳng như nhau, không được phân biệt đối xử...

Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của đồng bào còn rất nhiều hủ tục, nhưng để bài trừ, loại bỏ trong một lúc hoàn toàn không phải là việc dễ dàng, không thể trong một vài ngày mà nó là cả một quá trình. Đồng bào cần phải tích cực tham gia sinh hoạt các đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...; tích cực nghe đài, đọc báo, xem ti vi, đi hội họp để từng bước nâng cao nhận thức, thấy rõ tác hại của các tập tục lạc hậu, đồng thời hưởng ứng phong trào xây dựng làng, bản, buôn, gia đình văn hóa.

**➔ Những việc cần làm để giữ vệ sinh  
môi trường sống**

- Không phóng uế, vứt rác thải bừa bãi; thường xuyên khơi thông cống rãnh quanh nhà, tránh để nước thải ứ đọng.
- Sử dụng nhà tiêu hai ngăn hoặc nhà tiêu tự hoại hợp vệ sinh; thường xuyên dọn vệ sinh nhà tiêu.
- Không thả rông vật nuôi; không nuôi, nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà ở.



- Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đảm bảo vệ sinh, làm xa chỗ ở, nơi sinh hoạt của gia đình. Khi vật nuôi chết hoặc bị nhiễm bệnh phải cách ly, tiêu hủy, chôn lấp theo quy định của thú y.
- Thực hiện việc mai táng người chết phải đảm bảo vệ sinh môi trường, theo khu vực đã quy hoạch.

## **2. Trong hôn nhân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ tục gì? Phải làm gì để bài trừ?**

### ***Trả lời:***

Trong hôn nhân, cưới xin ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn tồn tại một số hủ tục:

- Việc cưới hỏi từ bước tìm hiểu, lễ hỏi rồi lễ cưới diễn ra với nhiều lễ nghi phiền phức và tốn kém. Quan niệm cả đời chỉ có một lần nên đám cưới phải được tổ chức thật linh đình, vì vậy nhiều gia đình sau khi tổ chức cưới cho con đã rơi vào tình trạng nợ nần. Ở một số nơi vẫn còn hiện tượng ép gả, cấm đoán trong việc hôn nhân hoặc thách cưới to. Ví dụ: trong đồng bào người Dao, vẫn còn tình trạng thách cưới bằng bạc trắng, có khi lên tới 100 đồng, cùng với các sính lễ đón dâu như thịt lợn, rượu, gạo, gà và quần áo... chưa kể chi phí cho tổ chức đám cưới tại gia đình. Nhiều gia đình, sau khi lo cưới cho con phải gánh nợ trong nhiều năm, kinh tế vốn khó khăn nay lại càng túng thiếu; nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sính lễ thì sau khi kết hôn chú rể buộc phải ở rể để trả công cho bố, mẹ

vợ... Vì vậy mà trong thực tế đã có nhiều cuộc hôn nhân gặp trắc trở, không thành chỉ vì những nghi lễ phiền phức, tốn kém này, thậm chí đã có nhiều chuyện đau lòng, đáng tiếc xảy ra bị dư luận xã hội lên án.

- Một số dân tộc thiểu số còn tồn tại tục “nối dây”: khi người chồng chết, người vợ góa bị ép buộc kết hôn với anh hoặc em trai của người chồng quá cố hoặc khi người vợ chết, người chồng góa bị ép buộc kết hôn với chị hoặc em gái của người vợ quá cố. “Nối dây” là tập tục gây ảnh hưởng rất nặng nề đối với cuộc sống của đồng bào. Nếu muốn đi bước nữa với người ngoài họ của người vợ hoặc người chồng đã mất thì người vợ hoặc người chồng phải ra đi với hai bàn tay trắng, để lại toàn bộ gia sản cùng con cái cho phía họ vợ hoặc họ chồng nuôi. Đây là một hủ tục trái với Luật hôn nhân và gia đình nên cần xóa bỏ. Cũng do bị ràng buộc bởi tục “nối dây” nên có những cặp vợ chồng “cọc cạch”, người chồng rất già mà vợ rất trẻ (thậm chí trẻ con) hoặc ngược lại, gây ra bao hệ lụy tới gia đình, trẻ em và xã hội.

- Ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên khi tổ chức đám cưới vẫn còn tình trạng nhiều cặp vợ chồng không đăng ký kết hôn và tình trạng tảo hôn (lấy vợ, lấy chồng sớm). Có nơi các em trai, em gái 13 - 15 tuổi đã đi “bắt chồng”, “bắt vợ”, vì theo quan niệm của đồng bào con trai quá 16 tuổi và con gái 14, 15 tuổi mà chưa lập gia đình coi như là ế. Hơn nữa cho con cái lấy chồng, lấy vợ sớm để gia đình có thêm người làm, sinh thêm con thêm cháu

để dòng họ thêm đông. Vì vậy mà có em ở độ tuổi 15 - 17 đã sinh con lần đầu, thời kỳ này cơ thể chưa phát triển hoàn thiện, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của mẹ và con. Việc các em phải làm cha, làm mẹ khi tuổi còn quá trẻ, chưa trưởng thành về sinh lý, tâm lý, chưa có kinh nghiệm quản lý gia đình... nên hầu hết các cuộc hôn nhân diễn ra với những cô dâu, chú rể còn quá trẻ đều gặp trắc trở.

- Tục hôn nhân khép kín trong dòng tộc (hôn nhân cận huyết thống) do quan niệm không lấy người thuộc dân tộc khác cũng còn phổ biến ở nhiều vùng, nhiều tộc người như: Lô Lô, Hà Nhì, Phù Lá, Chứt, Xinh Mun, Pu Páo, Cờ Lao, La Hủ, Chu Ru, Si La, Ngái, Rơ Măm, Brâu... Đặc biệt là các dân tộc Si La (Điện Biên, Lai Châu), Lô Lô, Pu Páo (Hà Giang), Ngái (Thái Nguyên, Bắc Kạn), Rơ Măm, Brâu (Kon Tum) là những dân tộc đang có nguy cơ suy giảm chất lượng dân số do tình trạng hôn nhân cận huyết<sup>1</sup>.

Việc cấm con cháu kết hôn với người ngoài dòng tộc là do quan niệm cho rằng chỉ họ hàng, cùng dòng máu lấy nhau thì mới thương yêu nhau, không bỏ nhau, mới giữ được của cải trong nhà; kết hôn ngoài dòng tộc sẽ mang của cải sang họ khác, mất họ, của cải bị chia sẻ... Quan niệm như vậy là không đúng. Hôn nhân khép kín trong dòng tộc đang là nguyên nhân làm suy giảm sức khỏe, tăng tỷ lệ bệnh tật, gây suy thoái chất lượng giống nòi. Luật hôn nhân và gia đình

---

1. Theo Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

nước ta cấm kết hôn “giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời”.

**➡ Hệ lụy của hủ tục tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống**

- Phần lớn các cặp vợ chồng tảo hôn khi tuổi đời còn ít đều phải nghỉ học, mất cơ hội học tập, thiếu hiểu biết xã hội, thường rơi vào cảnh nghèo túng, nhiều cặp đi tới ly hôn.
- Hôn nhân cận huyết thống làm suy thoái giống nòi. Những trẻ em sinh ra bởi các cặp vợ chồng kết hôn cận huyết thống có tỷ lệ dị dạng lớn, hoặc mang bệnh tật di truyền nghiêm trọng như mù màu, bạch tạng, bệnh tan máu, bệnh “lùn”...

Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống làm giảm chất lượng dân số, tác động tiêu cực đến sự phát triển, tiến bộ xã hội.

Hôn nhân là việc riêng của mỗi gia đình nhưng lại có tác động lớn đến cộng đồng và xã hội. Việc cưới hỏi không chỉ nhằm một mục đích duy nhất là để đôi trai gái thành vợ thành chồng gắn bó sinh sống, thực hiện chức năng duy trì nòi giống mà còn phải giúp cho đôi vợ chồng ấy có đủ cơ sở vững chắc, đủ bản lĩnh, kinh nghiệm để tạo lập cuộc sống hạnh phúc góp phần xây dựng họ tộc và cộng đồng bền vững. Vì vậy, để tránh tình trạng tảo hôn, thách cưới, ép buộc, gả bán, tổ chức cưới xin linh đình, hôn nhân cận huyết thống... đồng bào cần phải tuân thủ theo pháp luật, kết hôn đúng tuổi (tuổi kết hôn của nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi);

có đăng ký kết hôn; hôn lễ tổ chức theo phong tục lành mạnh, vui vẻ, tiết kiệm; tránh lãng phí, nợ nần để có điều kiện xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

**➡ Những hủ tục trong hôn nhân và gia đình cần xóa bỏ**

- Kết hôn trước tuổi quy định của Luật hôn nhân và gia đình hay còn gọi là tảo hôn.
- Cường ép kết hôn; cản trở hôn nhân do khác dân tộc và tôn giáo.
- Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.
- Buộc con rể sau khi kết hôn phải ở rể để trả công cho bố, mẹ vợ nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sính lễ.
- Thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới).
- Khi người chồng chết, người vợ góa bị ép buộc kết hôn với anh trai hoặc em trai của người chồng quá cố; khi người vợ chết, người chồng góa bị ép buộc kết hôn với chị gái hoặc em gái của vợ quá cố.
- Không đảm bảo quyền bình đẳng về thừa hưởng tài sản giữa con trai và con gái khi cha, mẹ qua đời (khi người cha chết, chỉ các con trai có quyền còn các con gái không có quyền hưởng phần di sản của người cha quá cố để lại (chế độ phụ hệ), hoặc khi người mẹ chết, chỉ các con gái có quyền còn các con trai không có quyền hưởng phần di sản của người mẹ quá cố để lại (chế độ mẫu hệ).

**3. Trong tang lễ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ tục gì? Phải loại bỏ bằng cách nào?**

### ***Trả lời:***

Trong việc tổ chức tang lễ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn nhiều hủ tục gây lãng phí thời gian lao động, sản xuất; ảnh hưởng kinh tế gia đình, sức khỏe, vệ sinh môi trường và trật tự an toàn xã hội.

Ở nhiều dân tộc thiểu số, khi gia đình có người vừa qua đời, đồng bào mời thầy tào, thầy mo, thầy cúng đến xem giờ chôn cất, yểm bùa, trừ ma. Nhiều nơi còn để người chết lâu ngày trong nhà với lý do chưa chọn được ngày lành, giờ tốt để chôn cất. Một số vùng đồng bào còn để người chết trong nhà nhiều ngày, hằng ngày bón cơm cho người chết; có nơi làm “ma tươi”, “ma khô”; tổ chức cỗ bàn ăn uống dài ngày, giết mổ nhiều trâu, bò, lợn, gà gây tốn kém lãng phí không cần thiết; người đến viếng uống rượu, cười nói vui vẻ trong khi gia chủ rất đau buồn...

Ví dụ: Người Mông ở Mường Lát - Thanh Hóa, người chết không được bỏ vào quan tài ngay mà để nằm ở bên ngoài từ 5 đến 7 ngày. Đồng bào cho rằng nếu người vừa chết mà bỏ ngay vào quan tài là trái với tục lệ, sau khi chôn cất linh hồn người chết sẽ không được “siêu thoát”, không được tổ tiên đón lên trời, ngoài ra người chết quay lại gây phiền hà, bệnh tật, ốm đau, làm ăn lụn bại cho người còn sống. Vì thế, khi gia đình có người thân mất họ thường đặt người chết vào cang hay để trên một tấm ván treo lên sát vách giữa nhà. Việc để xác người chết trong nhà lâu ngày làm bốc mùi hôi thối không chỉ gây ô nhiễm môi

trường cho gia chủ mà còn ảnh hưởng đến cả những hộ gia đình ở xung quanh. Đồ dâng cúng người chết được đồng bào dùng rất nhiều, bao gồm: trâu, bò, lợn, gà, cây xua ma quỷ, cây thang, vải vóc... Lễ cúng được tiến hành liên tục trong 5 đến 7 ngày. Những ngày này người trong gia đình vẫn ăn, ngủ bình thường gần bên xác chết. Nhiều gia đình nghèo cũng phải lo đi vay tiền khắp nơi mua sắm đồ lễ có khi phải mất nhiều năm sau đó mới trả hết nợ khiến đời sống đã khó khăn càng thêm khó khăn. Nếu là đám tang của những người chết trẻ thì việc tổ chức cúng càng to và dài ngày hơn, cả bản phải chít khăn tang, bỏ cả việc sản xuất để đến lo đám tang. Sau khi đã chôn cất xong thì cả bản tập trung tại gia đình có người chết để ăn cỗ. Có thể nói, tập tục tang ma của người Mông ở nhiều vùng hiện nay vẫn diễn ra với nhiều thủ tục, lễ nghi khá phức tạp vì đồng bào quan niệm chết là đầu thai sang kiếp khác cho nên phải làm rất nhiều các thủ tục, phải cúng rất nhiều loại ma như ma cột chính, ma bếp, ma cửa, ma buồng... Những nghi lễ cúng diễn ra trong nhiều ngày đã trở thành gánh nặng cho đồng bào.

Đối với dân tộc Thái, khi gia đình có người chết họ nhờ thầy cúng, thầy mo xem ngày đẹp để mang đi chôn, có thể chôn ngay ngày hôm đó nếu xem được giờ đẹp nhưng cũng có thể phải đến 3, 4 ngày sau. Khi đi chôn thực hiện nghi lễ tung quả trứng, quả trứng rơi ở đâu thì chôn ở đó. Khi tổ chức giỗ 3 ngày, 7 ngày... cho người đã khuất, gia đình mời thầy cúng, thầy mo về làm lễ, tổ chức mổ lợn, gà mời dân bản đến ăn uống...

Một số dân tộc (Bana, Giarai) trong nghi lễ tang ma có hành động biểu hiện tình cảm thái quá như tự làm cho mình bị thương bằng cách rạch đùi, rạch ngực; người phụ nữ có chồng chết phải kiêng tắm gội cả tháng trời để chứng tỏ tình cảm tiếc thương đối với người chết... Tất cả những hành vi này đều được cộng đồng giám sát. Người nào vi phạm sẽ bị cộng đồng lên án, thậm chí bị phạt vạ bằng vật chất. Việc chôn cất người chết thường rất tùy tiện (ven rừng, dưới thung lũng, không có quy hoạch); chôn chung mồ (dân tộc Giarai)... Những tập tục này rất dễ gây ra các loại dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng và gây nên những tranh chấp, kiện cáo ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường.

Một số dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên còn có tục phân biệt chết lành và chết dữ. Trong trường hợp “chết dữ” (chết do tai nạn, phụ nữ chết khi sinh con), gia đình chẳng những mất người thân mà còn trở thành nạn nhân của sự trừng phạt được quy định từ ngàn đời bởi luật tục.

Những hủ tục xấu như trên cần phải được loại bỏ, thay vào đó là việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang như: không để người chết lâu trong nhà; không tổ chức tế lễ phức tạp gây tốn kém, ảnh hưởng xấu đến kinh tế gia đình, sức khỏe của con người; không uống rượu, cỗ bàn linh đình trong đám tang gây lãng phí và không thích hợp; thực hiện việc chôn cất người chết đảm bảo vệ sinh môi trường, theo khu vực đã quy hoạch; không nên đặt niềm tin thái quá vào cúng bái, yểm bùa, trừ ma...



Đám tang là việc hệ trọng của gia đình, dòng họ, thể hiện sự thương tiếc và lòng kính trọng đối với người quá cố, vì vậy phải tổ chức trang trọng, chu đáo, theo phong tục dân tộc nhưng không được trái với quy ước của việc xây dựng nếp sống văn hóa hiện nay.

**➡ Những việc cần làm để thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang**

- Khi có người qua đời, gia đình hoặc thân nhân phải làm thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang.
- Việc tang cần được tổ chức chu đáo, trang trọng và tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế của gia đình tang chủ.
- Việc mặc tang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc và tôn giáo.
- Không để người chết trong nhà quá 48 giờ. Người chết vì bệnh truyền nhiễm phải chôn cất ngay, thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước.

- Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, không tổ chức cỗ bàn mời khách trong ngày tang lễ. Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải táng chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ. Không nên tổ chức ăn uống tràn lan gây tốn kém cho gia đình tang chủ và lãng phí thời gian lao động sản xuất.
- Việc chôn cất người chết phải tuân thủ theo quy định của chính quyền địa phương.
- Xoá bỏ các hủ tục mê tín dị đoan như: Cúng trừ trùng, cúng gọi hồn, yểm bùa, yểm đạo, đốt đồ mã... khi chôn cất.

#### 4. Trong sinh đẻ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ tục gì? Làm thế nào để bài trừ?

##### *Trả lời:*

Trong sinh đẻ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn tồn tại một số tập tục lạc hậu. Những tập tục lạc hậu còn phổ biến sau đây cần loại bỏ: Đẻ sớm, đẻ dày, đẻ nhiều; kiêng kỵ không sinh đẻ ở trong nhà mà phải ra ngoài rừng, lều nương, nhà tạm để sinh con; tự đỡ đẻ, cắt rốn bằng cắt nửa; nhau thai bỏ ống vút ra bờ bụi hay treo lên ngọn cây gây mất vệ sinh; sản phụ sau khi sinh kiêng khem quá mức; làm chết trẻ sinh đôi, sinh ba (ở một số dân tộc) vì cho đó là điềm xấu.

Đối với việc đẻ sớm, ở một số nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, do còn tồn tại nạn tảo hôn, do đó có những trẻ em gái mới 15, 16 tuổi đã sinh con nên chưa có kinh nghiệm chăm sóc con cái.

Xuất phát từ quan niệm “trọng nam, khinh nữ”, “*Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*” (một người con trai là có, mười người con gái cũng coi như không có), và xuất phát từ suy nghĩ “trời sinh voi, trời sinh cỏ”, cho rằng đông con, đông cháu là biểu hiện của sự đông phúc, nhiều lộc... mà có những cặp vợ chồng sinh 6 đến 7 người con, thậm chí 10 đến 12 con. Đẻ nhiều, đẻ dày làm cho kinh tế gia đình khó khăn, túng thiếu, con cái không được chăm sóc, dạy dỗ chu đáo, không được học hành đến nơi đến chốn để phát triển toàn diện về thể lực, trí lực và nhân cách;

bệnh tật ở phụ nữ và trẻ em tăng cao; đói nghèo đeo bám không thể dứt ra được.

Do quan niệm lạc hậu trong việc sinh đẻ, coi việc sinh đẻ của người phụ nữ là uestap, bẩn thỉu, xấu hổ khi có người khác nhìn thấy chỗ kín của mình... mà ít bà mẹ mang thai đến trạm xá khám định kỳ và khi sinh nhờ đến sự giúp đỡ của cán bộ y tế. Một số dân tộc thiểu số có tục đẻ ngò, nhau rốn được cắt bằng thanh nứa cật hoặc dao nhỏ sắc rửa bằng nước nóng và buộc bằng sợi dây bông... khiến cho nhiều bà mẹ bị băng huyết và nhiều trẻ sơ sinh bị uốn ván dẫn đến tử vong. Đây là những quan niệm, tập quán lạc hậu cần loại bỏ ngay vì rất nguy hiểm cho tính mạng người mẹ và đứa trẻ.

Một số dân tộc còn cho rằng sinh đôi là mang điềm xấu, tai họa đến cho dòng họ, dân bản nên người ta làm chết đứa trẻ sinh đôi, chỉ để lại một đứa; hoặc hủ tục “chôn con theo mẹ” của một vài dân tộc khi chẳng may mẹ chết vì sợ “ma” mẹ đi theo đòi con nếu ai đó nhận đứa trẻ về nuôi. Đây là những hủ tục man rợ, là hành vi phạm tội giết người. Hành vi này pháp luật nghiêm cấm và bị xử lý tội hình sự.

Ở một số dân tộc, người phụ nữ khi mang thai ăn uống phải kiêng khem quá mức, không được bồi dưỡng nên để lại những hậu quả xấu cho cả mẹ và con. Chính do sự lạc hậu này mà trước đây, tỷ lệ người mẹ mắc bệnh hoặc chết trong và sau khi sinh và tỷ lệ trẻ em sơ sinh không sống được ở vùng dân tộc thiểu số còn cao.

Như vậy, không nên sinh con quá sớm, không để

nhiều, không đẻ dày. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên sinh một hoặc hai con<sup>1</sup>, mỗi con cách nhau từ hai đến 3 năm hoặc 5 năm để có điều kiện chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe ở lần mang thai trước, tránh được những rủi ro trong thai nghén, sinh nở và phát triển kinh tế gia đình. Khi mang thai cần ăn uống đủ chất để có sức khỏe cho mẹ và thai nhi. Nên đi khám thai ít nhất 3 lần vào 3 tháng đầu, 3 tháng giữa và 3 tháng cuối nhằm theo dõi và phát hiện kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra với thai nhi do bệnh tật của người mẹ có từ trước hoặc mới phát hiện khi mang thai để có kế hoạch chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và thai nhi. Khi sinh con cần phải đến trạm xá hoặc phải có hộ lý, y tá giúp đỡ để đảm bảo an toàn về tính mạng và sức khỏe cho người mẹ và đứa trẻ. Không xấu hổ, không nên tự đổ để cho mình. Không đẻ ở ngoài rừng, lều nương, nhà tạm. Sau khi sinh không nên quá kiêng khem mà phải nghỉ ngơi, ăn uống bồi dưỡng để bảo vệ sức khỏe và đủ sữa nuôi con. Thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

**5. Trong việc chữa bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hủ tục không? Làm thế nào để loại bỏ?**

***Trả lời:***

Bệnh tật do nhiều nguyên nhân sinh ra, nhưng ở nhiều nơi, nhất là ở những vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, đồng bào thường cho rằng bệnh tật là do “ma làm” nên khi bị bệnh họ thường tìm đến các thầy

---

1. Theo Điều 10 của Pháp lệnh dân số hiện hành.

mo, thầy cúng để làm bùa ngải, cúng bái đuổi con ma, cái bệnh... chứ không tìm đến các cơ sở y tế để thăm khám, điều trị. Đồng bào cúng ma với nhiều lễ vật hết sức tốn kém mà bệnh tật vẫn không khỏi, “tiền mất, tật mang”. Chỉ đến khi bệnh quá nặng hoặc có cán bộ đến thuyết phục nhiều lần đồng bào mới đồng ý đưa người nhà đi trạm xá, bệnh viện. Có không ít trường hợp do để quá muộn hoặc để cho thầy mo, thầy cúng chữa bằng cách cho người bệnh uống nước lã, giã đập hoặc lấy gây quật lên người dẫn đến người bệnh bị chết một cách oan uổng...

Trong thực tế, có một số bệnh đồng bào có thể chữa trị bằng những kinh nghiệm dân gian cổ truyền (châm cứu, xoa bóp, chữa mẹo hoặc dùng những dược liệu khai thác tại chỗ rất hiệu nghiệm) và cho đến nay vẫn phát huy tác dụng. Tuy nhiên, cách chữa này thường chỉ dùng để điều trị những bệnh ngoại khoa, bệnh xương khớp. Để tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra, đồng bào nên từ bỏ việc chữa bệnh bằng cúng bái, trừ ma hoặc tự chữa bệnh tại nhà... Khi bị bệnh hoặc có người nhà bị bệnh thì cách tốt nhất là hãy đến các cơ sở y tế để khám và điều trị.



*Một buổi “xua ma, giải hạn” tiêu tốn của gia chủ  
vài triệu đồng.*

Ảnh M.H

### III. THAY ĐỔI SUY NGHĨ, QUAN NIỆM LẠC HẬU ĐỂ CON CHÁU ĐƯỢC HỌC HÀNH, ĐỂ CỘNG ĐỒNG ĐOÀN KẾT

**1. Trong chăm sóc và nuôi dạy con cái ở vùng  
đồng bào các dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ  
tục gì? Làm thế nào để khắc phục?**

***Trả lời:***

Trong chăm sóc nuôi dạy con cái, bên cạnh những  
phong tục đã trở thành nếp sống tốt đẹp hàm chứa  
tính đạo lý, nhân văn như dạy con cháu phải làm tròn  
chữ hiếu, kính trọng và vâng lời cha mẹ, ông bà; biết

cách ứng xử với anh em, bà con trong họ ngoài làng, kính trên nhường dưới, sống có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng... thì ở trong một bộ phận nhân dân, nhất là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số hiện nay vẫn còn tồn tại một số hủ tục, thể hiện trong quan niệm nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

Đó là quan niệm cho rằng trẻ em sinh ra đã có “bà mẹ” nâng đỡ. Việc sống, chết, ốm đau hay khoẻ mạnh, ngoan ngoãn của con trẻ là do “bà mẹ” quyết định, vì vậy một số người chỉ chú trọng việc làm lễ cầu mẹ trong khi ít chú ý đến việc chăm sóc, vệ sinh, tiêm phòng cho trẻ dẫn đến trẻ chậm lớn, thường bị mắc các bệnh giun sán, còi xương, suy dinh dưỡng...

Còn nhiều gia đình nhận thức không đúng sự cần thiết của việc học hành đối với tương lai của con trẻ. Vì dễ dãi, dễ chiều nên hầu hết kinh tế ở các gia đình vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa rất khó khăn, thiếu thốn, trẻ em thường phải làm việc từ khi còn rất nhỏ, không được đến trường, nhất là đối với trẻ em gái. Nhiều gia đình quan niệm “con gái không cần học nhiều” nên chỉ ưu tiên, đầu tư và khuyến khích con trai học tập lên cao. Quan niệm này khiến cho nhiều em gái phải chịu thiệt thòi, khi lập gia đình không phát huy được vai trò của người phụ nữ trong gia đình hoặc khiến một số em trở thành nạn nhân của tục tảo hôn, nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em...

Đồng bào các dân tộc phải xoá bỏ những quan niệm lạc hậu này, cần quan tâm đến việc nuôi dưỡng, dạy bảo con cái, tạo điều kiện để con em mình được đến

trường học tập. Học tập là con đường để thoát khỏi đói nghèo và làm giàu bởi con em chúng ta sẽ là chủ của gia đình, của đất nước trong tương lai.

**➡ Quyền bình đẳng giữa trẻ em trai  
và trẻ em gái trong gia đình**

Trong gia đình giữa trẻ em trai và trẻ em gái bình đẳng về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ sức khỏe; bình đẳng về quyền được học tập; bình đẳng trong việc thực hiện các công việc trong gia đình; bình đẳng về quyền được nghỉ ngơi, được vui chơi và tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí phù hợp với lứa tuổi. Các thành viên khác trong gia đình không được có hành vi phân biệt đối xử giữa trẻ em trai và trẻ em gái.

*(Theo Luật bình đẳng giới, Luật giáo dục, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật hôn nhân và gia đình).*

**2. Trong tín ngưỡng, lễ hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn tồn tại những hủ tục gì? Làm thế nào để bài trừ?**

***Trả lời:***

Với quan niệm vạn vật hữu linh, tín ngưỡng đa thần nên đa phần đồng bào cho rằng mọi vật đều có linh hồn và có các vị thần cai quản từng mặt trong đời sống và đều thờ cúng tổ tiên với nhiều nghi lễ cúng bái, ngưỡng vọng thần linh, tổ tiên để cầu mong sự giúp đỡ, che chở cho cuộc sống được no đủ, tốt đẹp. Những nghi lễ đó được hiện diện và tồn tại trong đời sống sinh hoạt, sản xuất thường ngày của đồng bào.



Hệ thống nghi lễ trong sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống là một phần vô cùng quan trọng phản ánh sự phong phú, tính đa dạng và đặc thù văn hóa của từng tộc người. Đó là phong tục, tập quán truyền thống cần gìn giữ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn tồn tại một số hủ tục ngay trong những tín ngưỡng truyền thống này.

Đó là việc một số đồng bào ở nhiều dân tộc, nhiều vùng còn quá tin vào thần linh nên dễ bị kẻ xấu lôi kéo, lợi dụng để trục lợi cá nhân. Cụ thể, chúng đã lạm dụng lòng tin của đồng bào để hành nghề mê tín dị đoan như: bói toán, yểm bùa và thực hiện hành vi lừa đảo truyền đạo trái phép gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống tinh thần của đồng bào, làm hao tiền tốn của và thậm chí còn dẫn đến chết người (Đêm 20-10-1993, đồng bào Thái tại bản Pa Thè huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã mê muội nghe theo sự mê hoặc của kẻ cuồng tín. Chúng dụ dỗ đồng bào rằng ai muốn có cuộc sống giàu sang thì phải theo Vua Vàng Chứ sang thế giới bên kia, dẫn đến việc 53 người đã bị chết bằng một cuộc tự sát tập thể). Đây là một bài học mà đồng bào cần ghi nhớ để không bao giờ mắc phải nữa. Hoặc ở vùng Bảo Yên, Bảo Thắng, Bắc Hà (Lào Cai)... những kẻ truyền đạo trái phép đã xúi giục đồng bào Mông đi theo đạo Vàng Chứ, bỏ thờ cúng tổ tiên, chối bỏ các lễ hội của cộng đồng, chỉ thừa nhận có Chúa, không thừa nhận thần linh khác... với mục đích kích động chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc, xóa bỏ những thuần

phong, mỹ tục bao đời của đồng bào. Nhiều thanh niên, trung niên theo kẻ xấu truyền đạo trái phép đã gây mâu thuẫn, xung đột với các già làng. Trong gia đình, làng bản luôn xảy ra mâu thuẫn giữa người theo đạo và người không theo đạo, giữa người Mông và các dân tộc khác trong vùng, gây nên những hậu quả nghiêm trọng đối với an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Một bộ phận đồng bào còn quan niệm rằng, mọi sự bất ổn, hoạn nạn trong gia đình, nhất là ốm đau, bệnh tật đều do các thần linh và do “ma làm”. Đồng bào tin rằng thầy bói, thầy cúng là người có khả năng “liên lạc, tiếp xúc” được với các thần linh, với các “con ma” để điều khiển nó nên khi trong gia đình gặp chuyện không may hoặc có người ốm lâu ngày không khỏi, đồng bào thường tìm đến thầy bói với nhiều lễ vật để cúng trừ tà ma mà dẫn đến “tiền mất tật mang”. Do vậy, đồng bào không nên tin vào thầy bói, thầy cúng.

Ở một số vùng, đồng bào còn cho rằng có ma. Ma nhập vào người sống, có lúc biến thành chim, có khi biến thành quỷ để làm hại người. Người bị coi là ma thường là người thông minh, đàn ông thì có tài, phụ nữ thì xinh đẹp. Có khi là “ma gà” như ở vùng dân tộc Tày, Thái; là “ma lai” ở dân tộc Ê Đê... Để xác định là người đó có phải ma lai hay không, trong buôn làng người Ê Đê Mdhur chủ làng tổ chức họp dân làng để xét xử. Chủ làng sẽ cho người bị nghi là ma lai lặn thi với người không bị nghi. Nếu người bị nghi thua thì người đó là ma lai, nếu thắng thì không phải. Hoặc bằng việc đổ chì

đun nóng vào lòng bàn tay có đặt hai lá môn, nếu chì đun nóng làm thủng lá môn lót trên bàn tay chảy xuống đất thì người đó là ma lai, còn giữ chì không chảy xuống đất thì không phải ma lai. Những người bị cho là ma có khi bị đuổi ra khỏi làng, buộc phải vào sống cô độc trong rừng sâu không được tiếp xúc với cộng đồng... Đây là hủ tục phải loại bỏ. Đồng bào cần tin rằng không có ma, chỉ có người xấu mới hại người mà thôi. Những người xấu thường xúi đồng bào làm điều xấu; lôi kéo, kích động đồng bào chống lại chính quyền, phá hoại cuộc sống bình yên của chính mình.

Đó còn là việc đồng bào còn tin vào sự có mặt thần linh, ma quỷ nên đã tổ chức cúng bái, lễ lạt cầu an, giải hạn nhiều lần trong năm gây lãng phí thời gian, tiền của. Ở một số vùng việc tổ chức lễ hội dân gian còn diễn ra trong nhiều ngày. Chuẩn bị cho một lễ hội đồng bào phải chặt bóp, tiết kiệm trong một thời gian dài để vui một miếng giữa làng và sau đó là thiếu đói trong những ngày giáp hạt.

Tín ngưỡng lạc hậu, mê tín dị đoan đã và đang làm ảnh hưởng tới sức khỏe, kinh tế gia đình, đoàn kết cộng đồng; dễ bị kẻ xấu lợi dụng để trục lợi, xúi giục, kích động chống lại chính quyền, gây mất trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Đồng bào không được tin vào những điều nhảm nhí, không nghe theo lời những kẻ xấu; nên nghe đài, xem ti vi, đọc sách báo để nâng cao hiểu biết và phân biệt cái đúng, cái sai, cái lợi, cái hại trong cuộc sống; tích cực lao động sản xuất; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đoàn kết giúp nhau xây dựng đời sống ngày một ấm no, hạnh phúc.

### **III**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KINH NGHIỆM**

## **BÀI TRỪ HỦ TỤC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC**

## **THiểu SỐ**

### **I. BÀI TRỪ HỦ TỤC - NHỮNG VẤN ĐỀ**

### **CẦN LƯU Ý**

Bài trừ hủ tục là vấn đề nhạy cảm trong đời sống của cộng đồng, vì mỗi phong tục tập quán đều được ra đời trong một bối cảnh xã hội nhất định do cộng đồng thừa nhận và tự nguyện chấp hành. Theo sự phát triển của lịch sử, việc giao lưu văn hóa ngày càng mở rộng, trên cơ sở đó phong tục dù rất chậm cũng sẽ thay đổi theo cho phù hợp. Thực tế trong đời sống xã hội hiện nay nhiều cái mới ra đời nhưng chưa hoàn toàn thắng thế, trong khi đó một số yếu tố đã lạc hậu, lỗi thời nhưng lại chưa hoàn toàn mất đi mà vẫn tồn tại dai dẳng và thậm chí còn âm ỉ phát triển, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do con người còn lầm tưởng hoặc ngộ nhận rằng phong tục tập quán truyền thống đều là những điều tốt đẹp, nhất nhất tuân theo.

Theo GS.TSKH. Ngô Đức Thịnh: hủ tục là một vấn đề mang yếu tố văn hóa - xã hội. Để giải quyết vấn đề hủ tục, phải có một cái nhìn toàn diện, trên cơ sở nghiên

cứu một cách hệ thống về tín ngưỡng, phong tục. Giải quyết hủ tục bằng các giải pháp văn hóa sẽ hiệu quả hơn, triệt để hơn. Vũ trụ quan, nhân sinh quan, tín ngưỡng của cộng đồng đã trở thành nhận thức, là hệ thống quan niệm đã ăn sâu trong máu thịt. Từ nhận thức đã chuyển hóa thành hành vi. Vì vậy, muốn nhận thức đúng và có phương pháp xử lý hiệu quả, phải bắt đầu từ việc nghiên cứu, thay đổi căn bản về mặt nhận thức của cộng đồng... Muốn vậy, phải tìm hiểu từ cái gốc xã hội của phong tục tập quán lạc hậu, lỗi thời. Phải xem xét nó ra đời từ bao giờ, chức năng xã hội là gì, tại sao vẫn tồn tại? Phải giải quyết vấn đề ngay trong không gian xã hội đó, cộng đồng đó, chủ thể văn hóa đó. Nếu “nhìn từ ngoài vào” và áp đặt các biện pháp xử lý thì không ổn. Khi nghiên cứu về tín ngưỡng, phong tục cần phân biệt thành ba loại để có cách ứng xử thích hợp:

- Những phong tục, tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc thì cần bảo tồn và phát huy.

- Những phong tục, tập quán không tốt, không xấu “vô thưởng, vô phạt” thì không cần phải tuyên chiến mà tự nó sẽ bị cộng đồng loại trừ nếu không còn phù hợp bởi những hành vi văn hóa đó - khi chức năng xã hội không còn thì tự nhiên nó sẽ mất đi.

- Những phong tục, tập quán không còn phù hợp, gây hại thì cần phải có công cụ, thậm chí là công cụ pháp luật để loại trừ.

Theo PGS.TS. Nguyễn Tri Nguyên: hủ tục không chỉ là thói quen bình thường, nó được duy trì qua nhiều thế hệ, không ít hủ tục đã đưa tới hậu quả khó lường. Cần phải hiểu nguyên nhân sâu xa của những hủ tục mới có được cách giải quyết hợp lý. Các hủ tục ra đời khi trình độ phát

triển tộc người còn rất hoang sơ. Mọi thế lực bên ngoài đối với họ đều thần bí mà năng lực nhận thức lúc bấy giờ còn hạn chế chưa giúp họ tìm ra cách lý giải và nhờ đó họ có thể xử lý mọi tình huống xảy ra. Có thể nói, trong nhận thức của họ có một khoảng tối. Cuộc sống ngày càng văn minh thì khoảng tối ấy về cơ bản bị đẩy lùi, tuy nhiên một góc tối vẫn còn tiềm ẩn trong ký ức tộc người. Mỗi khi ánh sáng văn minh tỏ ra yếu ớt, thì khoảng tối sẽ lan rộng và thức tỉnh. Đó chính là lúc hủ tục chi phối hành vi mù quáng của con người.

Theo TS. Trần Hữu Sơn: Các yếu tố văn hoá truyền thống chi phối mạnh mẽ đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao. Vấn đề nghiên cứu các giải pháp để phát huy yếu tố tích cực, xoá bỏ các yếu tố tiêu cực, kìm hãm sự phát triển là yêu cầu cấp bách nhưng cũng đầy khó khăn. Cấp bách vì “mệnh lệnh” từ thực tiễn hằng ngày đang đòi hỏi như vậy. Khó khăn vì phải tìm ra cơ sở khoa học, định hướng cho các giải pháp phát huy các yếu tố tích cực, xoá bỏ yếu tố tiêu cực, phải giải quyết được các mối quan hệ giữa “truyền thống và đổi mới”, giữa “cổ truyền và hiện đại”. Muốn vậy cần phải phân biệt và nhận diện các yếu tố tích cực, cũng như các yếu tố tiêu cực trong văn hoá truyền thống. Thực tiễn ở vùng cao phía bắc suốt từ năm 1955 đến nay không ít lần nhận diện sai, dẫn đến chỉ đạo sai. Cuối những năm 1950, đầu những năm 1960, do quan điểm ấu trĩ tả khuynh, coi lễ hội của đồng bào các dân tộc là lạc hậu nên ở nhiều địa phương cấm tổ chức lễ hội. Hoặc coi các khu rừng cấm, các miếu thờ đầu nguồn nước là thiết chế mê tín dị đoan đã dẫn đến tình trạng giải thiêng ở các khu rừng cấm, nạn phá rừng hoành hành, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Hoặc vào

những năm 1970 - 1980 coi những người thầy cúng là đối tượng mê tín dị đoan cần xử lý hành chính... dẫn đến tình trạng người Mông chối bỏ văn hoá truyền thống đi tìm niềm tin mới ở Vàng Chử... Trước thực tiễn đó cần đổi mới cách nhìn nhận, đánh giá văn hoá, phân loại chính xác yếu tố văn hoá tích cực và văn hoá tiêu cực. Trên cơ sở “nhận diện” mới đề xuất chính sách, giải pháp thực thi hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.



*Già làng, trưởng bản có vai trò quan trọng  
góp phần xóa bỏ hủ tục.*

Tại Hội thảo “Các giải pháp bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức năm 2010, các đại biểu nhất trí cho rằng: để bài trừ các hủ tục lạc hậu trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số cần: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào; tìm hiểu căn nguyên sâu xa của các hủ tục, nắm bắt được

quan niệm, nhận thức và ý nguyện của đồng bào để từ đó dẫn giải phân tích tác hại dưới góc độ văn hóa tộc người là một trong những giải pháp cần được đặc biệt lưu tâm để vận động đồng bào từng bước xóa bỏ các hủ tục không còn phù hợp với đời sống hiện tại, gây lãng phí, tốn kém. Ví dụ: người Bana, Giarai có tục “chôn chung mồ”. Theo quan niệm của đồng bào, những người thân sau khi chết phải chôn trong cùng một huyệt thì sang thế giới bên kia mới có thể gặp nhau được. Nếu hiểu được nguyên nhân sâu xa ấy có thể vận động đồng bào: chỉ cần chôn những người thân trong những ngôi mộ gần nhau thôi thì họ cũng có thể gặp nhau ở thế giới bên kia. Hoặc việc chôn những đứa trẻ còn bú theo người mẹ đã chết theo quan niệm của đồng bào Giarai là cho đứa trẻ theo mẹ sang “sống” ở một “làng khác” để tiếp tục bú mẹ. Trong trường hợp này hãy giải thích làm sao để đồng bào nhận thức được không cần phải chôn trẻ theo mẹ, đứa trẻ đó vẫn tiếp tục được ăn, được bú thì việc vận động sẽ khả thi.

Bên cạnh việc bài trừ hủ tục cần gắn liền với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch bổ ích, thiết thực đồng thời giúp đồng bào nâng cao nhận thức về pháp luật, xóa đói giảm nghèo, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc.

## II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BÀI TRỪ HỦ TỤC Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Bài trừ các tập tục lạc hậu là việc làm cần thiết để phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy những nét



đẹp văn hoá truyền thống và xây dựng nếp sống văn minh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bài trừ hủ tục là quá trình làm thay đổi căn bản nhận thức về tập quán, tín ngưỡng của cộng đồng, vì vậy không chỉ đơn thuần dựa vào ý nghĩ chủ quan của các cấp chính quyền, của các nhà quản lý văn hóa, mà phải nghiên cứu nguyên do của những tập tục lạc hậu, để từ đó có định hướng cải tạo, hướng dẫn vận dụng cho thích hợp với hiện tại và tương lai, hoặc tìm những phong tục hay để bổ khuyết mà loại trừ dần những cái lạc hậu. Bài trừ tập tục lạc hậu cần kiên trì, không nên nóng vội, phải lựa chọn phương pháp, cách thức cho phù hợp với mỗi dân tộc, vùng miền theo phương châm lắng nghe tâm tư nguyện vọng của đồng bào, khơi dậy và phát huy những nét đẹp phong tục thì mới có hiệu quả bền vững. Bên cạnh đó, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, bổ ích và thiết thực giúp đồng bào nâng cao nhận thức về pháp luật, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Trong bài trừ hủ tục cần đề cao vai trò, trách nhiệm và tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong cộng đồng. Đồng thời gắn việc bài trừ hủ tục với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và phong trào “Xây dựng nông thôn mới” ở địa phương.

Dưới đây, chúng tôi xin đưa ra một số giải pháp liên quan đến bài trừ tập tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang; trong sinh hoạt, sản xuất, tín ngưỡng và lễ hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số để chính quyền địa phương và cán bộ ở cơ sở tham khảo, vận dụng

tuyên truyền, vận động bài trừ hủ tục ở vùng dân tộc thiểu số.

### **1. Bài trừ hủ tục trong việc cưới, việc tang:**

Việc cưới, việc tang là những vấn đề gắn với phong tục tập quán và những quy định của luật pháp, thiết nghĩ để bài trừ tập tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần thực hiện các giải pháp sau:

- Khảo sát, điều tra đánh giá đúng thực trạng về những hủ tục còn tồn tại trong việc cưới, việc tang; phân tích, tìm hiểu căn nguyên của các tập tục lạc hậu để đề ra các giải pháp phù hợp.

- Xây dựng quy định của địa phương về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang. Việc xây dựng các quy định này phải được thực hiện trên cơ sở những quy định của pháp luật có sự tham gia thảo luận của người dân. Trong quy định cần đưa ra hình thức xử phạt, khen thưởng cụ thể; đưa các tiêu chí về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang vào điều kiện bình xét công nhận danh hiệu văn hóa đối với các thôn, bản, gia đình.

- Phổ biến các quy định của Nhà nước và địa phương về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang cho cán bộ đoàn thể, trưởng thôn, trưởng bản và những người có uy tín (già làng, trưởng dòng họ, thầy mo, thầy cúng) để những đối tượng này trở thành hạt nhân tuyên truyền tại các làng bản, thôn xóm. Duy trì mô hình học tập thực tiễn “để người dân tự nói với người dân” nhằm triển khai rộng rãi trong nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bắt đầu từ việc tác động làm thay đổi nhận thức của đồng bào, trước hết tập trung vận động những vị cao niên, già làng, trưởng dòng họ vì chính họ là những người tham gia, chỉ đạo, định hướng khá toàn diện nhận thức, việc làm của con cháu, anh em và người thân trong gia đình, dòng họ trong việc ma chay, cưới xin. Vận động các dòng họ lớn trong thôn, bản, làng, xã xây dựng quy ước dòng họ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

- Mở các chuyên trang, chuyên mục bằng tiếng dân tộc trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở; nhân rộng nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến; phê phán và lên án những biểu hiện tiêu cực nhằm tạo dư luận đồng thuận, đồng tình ủng hộ của nhân dân.

- Nghiên cứu, chỉ đạo và hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm về đám cưới, đám tang theo nếp sống văn minh, trên cơ sở tôn trọng tín ngưỡng của đồng bào nhằm giữ gìn bản sắc văn hoá với thực hiện nếp sống văn minh, đẩy lùi mê tín dị đoan, góp phần từng bước nhân điển hình trong đời sống của đồng bào.

- Biểu dương kịp thời những địa phương, dòng họ, gia đình thực hiện tốt việc bài trừ hủ tục, tích cực đổi mới theo quy ước, hương ước về việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

- Làm tốt công tác quy hoạch nghĩa địa.

## **2. Bài trừ tập quán lạc hậu trong canh tác, chăn nuôi và bảo vệ tài nguyên, môi trường**

- Khảo sát, đánh giá thực trạng về những tập quán lạc hậu còn tồn tại trong canh tác, chăn nuôi và bảo vệ môi trường tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để đồng bào hiểu được tác hại cũng như hệ lụy của những tập quán lạc hậu trong canh tác, chăn nuôi và bảo vệ môi trường (du canh, du cư, đốt phá rừng bừa bãi làm nương rẫy, thả rông gia súc, khai thác bừa bãi các nguồn lợi từ thiên nhiên...). Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên - môi trường; về chính sách hỗ trợ định canh, định cư; về bảo vệ và phát triển rừng...

- Vận động đồng bào sống định canh, định cư; thực hiện di dời việc nuôi nhốt gia súc, gia cầm ra khỏi gầm sàn nhà ở; làm chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; đẩy mạnh việc chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi; áp dụng các mô hình, biện pháp sản xuất, chăn nuôi theo hướng hàng hóa để xóa đói giảm nghèo và phấn đấu trở thành hộ có đời sống kinh tế khá...

- Các cấp, các ngành và chính quyền địa phương cần làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm; công tác định canh, định cư để hỗ trợ đồng bào thay đổi tập quán canh tác, chăn nuôi lạc hậu như: quy hoạch, xây dựng hệ thống thủy lợi, bãi chăn thả gia súc; phổ biến kỹ thuật canh tác, chăn nuôi hiệu quả giúp đồng bào nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ định canh, định cư; chính sách hỗ trợ đất sản xuất; chính sách tín dụng ưu đãi; chính sách khuyến nông của Nhà nước đối với hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao thu nhập và mức sống cho đồng bào.

### **3. Bài trừ thói quen, quan niệm lạc hậu trong sinh hoạt, nuôi dạy con cái, tín ngưỡng và lễ hội**

Những tập tục lạc hậu trong đời sống sinh hoạt hằng ngày (ăn, ở không vệ sinh; chi tiêu không có kế hoạch; rượu chè triền miên...), trong ứng xử (trọng nam, khinh nữ), trong nuôi dạy con cái (phân biệt đối xử giữa con trai, con gái; không cho con cái học lên lớp cao...), trong tín ngưỡng (cúng, bói khi hoạn nạn, ốm đau; tin vào ma quỷ, thần thánh...)... đang kìm hãm sự phát triển về đời sống kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để bài trừ những hủ tục này cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- *Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày:* Tuyên truyền nâng cao nhận thức của đồng bào về ý thức vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường trong gia đình, làng, bản. Thực hiện ăn, ở vệ sinh. Vận động và hỗ trợ đồng bào làm các công trình vệ sinh trong gia đình theo tiêu chuẩn của ngành y tế. Khi ốm đau không cúng bói mà phải đến các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh; phụ nữ có thai phải đi khám thai định kỳ, tiêm phòng vắc xin và sinh con tại cơ sở y tế; cho trẻ em đi tiêm chủng và uống thuốc phòng bệnh theo quy định của cơ quan y tế. Vận động đồng bào thực hiện chi tiêu có kế hoạch, tiết kiệm trong tang ma, cưới xin, lễ tết, hội hè; hạn chế uống rượu để bảo vệ sức khỏe.

- *Trong ứng xử, nuôi dạy con cái:* Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bình đẳng giới; chăm sóc, giáo dục trẻ em. Vận động đồng bào tạo điều

kiện cho con em được đi học theo đúng độ tuổi, không phân biệt đối xử giữa trẻ em trai và trẻ em gái, trẻ em trai và trẻ em gái được bình đẳng trong chăm sóc, học tập và trong việc thực hiện các công việc gia đình.

- *Trong tín ngưỡng, lễ hội:* Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng; các quy định của pháp luật về trật tự an toàn xã hội. Nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể và địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục; không nghe theo kẻ xấu xúi giục đi theo các tà đạo trái phép.

Đồng thời, phát huy vai trò hướng dẫn quản lý của ngành văn hóa trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở vùng đồng bào. Khuyến khích tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa tiến bộ, lành mạnh. Xử lý nghiêm những sai phạm trong công tác quản lý, vi phạm quy ước, nếp sống văn hóa cộng đồng và các đối tượng hành nghề mê tín dị đoan, truyền đạo trái phép. Đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống văn minh. Gắn tiêu chí thực hiện nếp sống văn minh với việc công nhận các danh hiệu văn hóa. Nêu gương những cá nhân, tập thể điển hình, tiên tiến trong việc thực hiện nếp sống văn minh để cho mọi người học tập, noi theo. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa - thông tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số: phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; chính sách xóa mù chữ... để nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào. Tăng cường việc cung cấp các ấn phẩm văn hóa phù hợp để đáp ứng nhu cầu về

thông tin chính sách, pháp luật, kiến thức khoa học - kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe... giúp đồng bào nâng cao nhận thức, hiểu biết. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa, lễ hội; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc tổ chức xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, trong các hoạt động lễ hội, góp phần hạn chế và đẩy lùi những hủ tục trong đời sống sinh hoạt, trong tín ngưỡng, lễ hội hiện nay ở vùng đồng bào.

### III. KINH NGHIỆM BÀI TRỪ HỦ TỤC Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

#### 1. Trồng rừng thay thế canh tác nương rẫy

Xã Thái Giàng Phố là một trong năm xã của huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được triển khai thực hiện dự án trồng rừng thay thế nương rẫy. Đây là xã vùng cao, vùng đồng bào dân tộc Mông thuộc diện đặc biệt khó khăn của huyện, có tổng diện tích tự nhiên 6.577 hécta. Trước đây do tập quán canh tác nương rẫy, hằng năm địa phương bị mất một diện tích rừng không nhỏ. Vì vậy, ngay từ khi triển khai dự án, xã Thái Giàng Phố đã tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện tập trung tuyên truyền, vận động, giải thích về mục đích, tác dụng, hiệu quả của chính sách, quyền lợi, trách nhiệm của người dân một cách rõ ràng, cụ thể, nhất là những nguồn lợi mà người dân được hưởng để từ đó họ tích cực tham gia. Toàn xã có 29 hộ dân ở 3 thôn là thôn Di Thành, Ngải Phóng Chồ, Ngải Ma đã tham gia trồng hơn 17 hécta

rừng thay thế nương rẫy. Dự án bước đầu đã đem lại kết quả rất khả quan, người dân hạn chế tình trạng phát rừng làm nương rẫy, chú trọng đẩy mạnh phát triển diện tích rừng.

Cùng với Thái Giàng Phố, các xã Tà Chải, Bảo Nhai, Nậm Mòn, Na Hối cũng đã triển khai tốt dự án trồng rừng thay thế nương rẫy, với tổng diện tích toàn huyện đến nay là hơn 142 hécta, có 186 hộ ở 16 thôn, bản tham gia. Qua kết quả kiểm tra, theo dõi của ngành chức năng huyện cho thấy, tỷ lệ cây sống trên diện tích rừng trồng mới thay thế nương rẫy ở các xã đạt trên 85%, cây sinh trưởng tốt. Bên cạnh việc hướng dẫn nhân dân tham gia chăm sóc, bảo vệ rừng, cơ quan chức năng của huyện phối hợp với chính quyền các xã thực hiện hỗ trợ gạo cho người tham gia trồng rừng kịp thời, đúng đối tượng, đủ số lượng, chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn, bước đầu giải quyết được nhu cầu lương thực cho người dân trong giai đoạn chuyển đổi nương rẫy sang trồng rừng. Năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, huyện Bắc Hà đã cấp hỗ trợ cho người dân tham gia trồng rừng dự án gần 100 tấn gạo.

Dự án trồng rừng thay thế nương rẫy được triển khai ở Bắc Hà đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và giữ gìn môi trường sinh thái tại các thôn, bản khó khăn của huyện. Dự án đã hỗ trợ cải thiện tập quán canh tác lạc hậu, ổn định đời sống, giảm đói nghèo, từng bước nâng cao thu nhập và định hướng sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững trên đất nương bạc màu, kém hiệu quả.

Trong đó, cái được lớn nhất của dự án là tạo bước



đột phá trong việc làm thay đổi tập quán canh tác của người dân trước đây, từ phương thức sản xuất truyền thống kém hiệu quả sang phương thức sản xuất mới là thâm canh tăng năng suất với việc đẩy mạnh trồng rừng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở vùng cao, tạo thêm nhiều cánh rừng xanh, đóng góp vào sự phát triển bền vững trên cao nguyên Bắc Hà.

## **2. Giúp nông dân thay đổi tập quán canh tác**

Sông Hình là huyện miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Để giúp người dân từng bước ổn định cuộc sống, những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, diện tích lúa nước của huyện không ngừng được tăng lên hơn 1.300 hécta. Tuy vậy, diện tích này vẫn là con số khiêm tốn so với số dân hơn 45.000 người của huyện. Để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài, huyện Sông Hình đã thực hiện chủ trương xây dựng cánh đồng mẫu lớn với cây lúa lai TH 3-3 và bước đầu đã thu được kết quả đáng phấn khởi.

Lúa lai TH 3-3 đến với Sông Hình từ nhiều vụ trước. Với đặc điểm ngắn ngày, cây khỏe, khả năng đẻ nhánh tốt, ít nhiễm sâu bệnh, cho năng suất cao, hạt gạo trong, dẻo, ngon cơm, lúa TH 3-3 đã được nhiều người dân lựa chọn, thâm canh để nâng cao hiệu quả sản xuất. Hơn thế nữa, TH 3-3 đã “lấy lòng” đồng bào dân tộc thiểu số, nơi mà người nông dân tiếp cận với cây lúa nước chưa lâu.

Y Dung ở buôn Ken, xã Ea Bá tham gia Chương trình cánh đồng mẫu lớn, thay cây lúa đã trồng lâu nay bằng giống lúa lai TH 3-3. Tự tin với những kiến thức đã học, Y

Dung áp dụng quy trình thâm canh 3 giảm 3 tăng, làm cỏ bón phân theo đúng kỹ thuật, vì vậy mặc dù có thời điểm nắng hạn, thiếu nước, nhưng cây lúa nhà Y Dung vẫn đạt sản lượng gần gấp đôi so với lúa thường. Y Dung vui không chỉ vì được mùa, mà từ nay anh có thêm một phương thức sản xuất mới, hiệu quả hơn nhiều so với các giống lúa cũ. Y Dung nói: “Vụ tới, tôi rất mong được Nhà nước hỗ trợ trồng lúa lai để cuộc sống no đủ hơn”. Cũng như Y Dung, nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số khác ở các xã Ea Bá, Ea Lâm, Ea Bar, Ea Trol, Ea Bia cũng đã tham gia mô hình lúa lai và mang lại hiệu quả đáng kể.

Ông Nguyễn Khắc Sự, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sông Hinh cho biết, để giúp bà con thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, từ năm 2012, huyện đã đưa vào khảo nghiệm giống lúa lai TH 3-3 ở vụ đông xuân và hè thu, bước đầu mang lại hiệu quả cao. Trên cơ sở đó, huyện đã mạnh dạn thực hiện Chương trình cánh đồng mẫu lớn trên cây lúa lai TH 3-3. Tham gia mô hình này, nông dân được hỗ trợ 100% giống và 30% phân bón, số còn lại cho nông dân nợ, sau khi thu hoạch lúa mới trả. Thực hiện chủ trương đó, các xã trong huyện đã tuyên truyền sâu rộng và nhận được sự ủng hộ của người dân, nhất là tại các xã Ea Ly, Đức Bình Tây, Sơn Giang.

Trong vụ đông xuân 2012-2013, huyện Sông Hinh đã hình thành được những cánh đồng mẫu lớn, các ruộng xé lẻ của nhiều hộ dân được dồn lại thành những cánh đồng chuyên canh cây lúa lai TH 3-3; trong đó tập trung chủ yếu ở Sơn Giang, Ea Ly, Đức Bình Tây, Đức Bình Đông, Ea Bá... Tại các cánh đồng này năng suất lúa đạt

cao, như xã Ea Ly đạt 90 tạ/hécta; Đức Bình Tây đạt hơn 80 tạ/hecta; Sơn Giang đạt 76 tạ/hécta... trong khi năng suất trung bình toàn huyện chỉ 74,4 tạ/hécta. Ông Phạm Quốc Thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơn Giang cho biết, cánh đồng mẫu lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất, dần hình thành sản xuất lúa quy mô lớn; hiệu quả sản xuất được cải thiện, thu nhập của bà con được tăng lên. Nhưng trên hết, hiệu quả lớn nhất từ mô hình đã góp phần quan trọng vào việc thay đổi cách thức canh tác lạc hậu sang áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào thâm canh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng trên một đơn vị diện tích.

### **3. Di chuyển chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà - kinh nghiệm của Hà Quảng (Cao Bằng)**

Năm 2011, huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng ban hành Chỉ thị số 04-CT/HU về việc di chuyển chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà giai đoạn 2010-2015. Công tác tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh cùng sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, làm chuyển biến tích cực cả về tư tưởng, nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và người dân. Hiện nay, toàn huyện có hơn 3.700 trong tổng số 7.543 hộ chăn nuôi đưa chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà. Những xã triển khai khá hiệu quả như Thượng Thôn, Đào Ngạn, Quý Quân, Phù Ngọc đạt từ 50 - 90% số hộ chuyển chuồng trại ra khỏi gầm sàn nhà. Tại hai xã Hạ Thôn và Nà Sác, 100% số hộ chăn nuôi đã đưa chuồng trại ra khỏi gầm sàn nhà.

Phó Bí thư Đảng ủy xã Thượng Thôn - Hoàng Văn Việt

cho biết: ngay sau khi có chỉ thị của Huyện ủy, với phương châm cán bộ, đảng viên, công chức gương mẫu đi đầu trong việc di chuyển chuồng trại gia súc ra khỏi gầm sàn nhà và nơi dễ làm trước, khó làm sau nên phong trào phát triển khá nhanh và thuận lợi. Đến nay, cả xã có 131 hộ đã di chuyển chuồng trại ra khỏi sàn nhà, tiêu biểu là xóm Cả Giang có 31 trong tổng số 33 hộ đã di chuyển; xóm Cả Thổ cả 33 hộ đã chuẩn bị xong mặt bằng, vật liệu và sẽ hoàn thành trong năm 2013. Xã phấn đấu đến hết năm 2014 sẽ hoàn thành việc di chuyển.

Việc di chuyển gia súc ra khỏi gầm sàn nhà đã góp phần cải thiện đáng kể vệ sinh môi trường nông thôn của huyện. Bên cạnh đó, việc đầu tư làm chuồng trại kiên cố đã góp phần giảm số gia súc bị chết rét qua các năm. Từ kết quả trên, huyện Hà Quảng phấn đấu đến hết năm 2015 toàn huyện có trên 70% số hộ di chuyển gia súc, gia cầm ra khỏi gầm sàn, mỗi năm phấn đấu thực hiện từ 20% trở lên; hết năm 2013, 100% gia đình cán bộ công chức xã thực hiện di chuyển chuồng trại ra khỏi gầm sàn nhà.

Khi bắt tay vào triển khai xây dựng nông thôn mới với hàng loạt tiêu chí cần thực hiện, huyện Hà Quảng luôn xác định rõ việc nào cần nhưng dễ thì làm trước, việc khó hơn thì làm sau. Việc vận động người dân đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà được huyện Hà Quảng xác định là một trong những việc cần làm ngay. Nhưng để thay đổi được thói quen cố hữu đã bám rễ vào cuộc sống của bao thế hệ người dân là việc làm không hề đơn giản, không thể tuyên truyền theo cách rập khuôn, giáo điều. Để góp phần chuyển biến tư duy, nhận thức của người

dân, cán bộ xã thường xuyên xuống cơ sở, từng bước tác động để bà con có sự so sánh thiệt hơn. Và khi đã hiểu thì bà con tự giác làm theo, thậm chí có những gia đình còn tự nguyện lên gặp xã để xin được di chuyển trước và nhận hỗ trợ của Nhà nước sau.



*Khu chăn nuôi của gia đình anh Nông Văn Hòai  
ở xóm Mạ Ráng, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng.*

#### **4. Đẩy lùi tập quán lạc hậu nhờ vay vốn ưu đãi**

Cùng với thu nhập được nâng lên, trên 400 hộ đồng bào Khmer sinh sống sát đường biên giới thuộc xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đang từng bước thay đổi tập quán lạc hậu nhờ đồng vốn vay ưu đãi.

Là một trong những hộ thuộc diện được vay vốn ưu đãi của xã, anh Xa Mần ngụ ở ấp Suối Dầm kể: “Trước năm 2005, vợ chồng tui nghèo lắm! Căn nhà dột nát được chính quyền hỗ trợ 10 triệu đồng mua vật tư mới

dựng lại được. Nhờ Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn sản xuất nay nhà tui thoát nghèo rồi, chỉ vài năm nữa sẽ khá thôi à”.

Với sáu miệng ăn, vợ chồng Xa Măn có hơn 3 hécta đất canh tác. Trong đó, 6.000m<sup>2</sup> mỗi năm trồng một vụ lúa, hơn 2 hécta vùng gò cao trồng mì (sắn), thu trên 50 tấn sản phẩm/năm. Củ mì có giá nên mỗi năm vợ chồng anh bỏ túi không dưới 100 triệu đồng. Ấy là chưa kể Xa Măn còn chăn nuôi trâu để cày kéo, khi cần, bán mỗi con thu hơn chục triệu đồng. Vợ anh mở quán tạp hóa bán đủ loại mặt hàng phục vụ sinh hoạt cho bà con trong ấp.

Theo ông Dương Minh Trung - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Đông thì Suối Dầm là một trong ba ấp có tỷ lệ đồng bào dân tộc Khmer đông nhất. Trước đây bà con chỉ canh tác lúa nước, năng suất thấp nên cuộc sống khá vất vả.

Không chỉ thiếu miếng ăn, nhà ở cũng tạm bợ. Bà con vẫn giữ thói quen tắm suối, phóng uế ngoài đồng, nhốt gia súc ngay dưới gầm nhà sàn. Vài năm nay, nhờ chuyển đổi sang trồng mía, mì, cao su, lại được vay vốn ưu đãi nên miếng ăn không còn trở thành nỗi lo thường nhật của bà con nữa.

“Không chỉ vợ chồng Xa Măn xóa xong nghèo, mấy năm trước các hộ như Lâm Phân, Thi Song... trước không dám vay vốn ngân hàng chỉ vì nghèo sợ không trả nổi, nay đều thoát nghèo và đang ăn nên làm ra. Hằng năm, các hộ đều đề nghị Hội Nông dân bảo lãnh vay vốn ngân hàng để đầu tư phát triển sản xuất” - Ông Danh In - Trưởng ấp Suối Dầm cho hay.

Năm 2005, Đảng ủy xã chỉ đạo chính quyền phối hợp với Hội Nông dân vận động đồng bào Khmer thực hiện Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường. Sau gần một tuần vận động, chỉ có 12 hộ đồng ý khoan giếng, làm công trình vệ sinh, chuyển trâu, bò, heo ra phía sau cách nhà ở vài chục thước.

Năm 2007, Ngân hàng Chính sách xã hội cho mỗi hộ vay 8 triệu đồng để khoan giếng nước, xây nhà tắm - nhà vệ sinh tự hoại. Đến nay không ai còn tắm ngoài suối trâu đầm và phóng uế ngoài ruộng. 100% hộ trong ấp đã xây giếng nước sạch và hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh. Tại trung tâm sinh hoạt cộng đồng của đồng bào dân tộc (nhà tha - la) chính quyền và Hội đồng nhân dân còn vận động bà con góp 7 triệu đồng để xây nhà vệ sinh công cộng góp phần đẩy lùi tập quán sinh hoạt lạc hậu để cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.

### **5. Thay đổi tập quán canh tác lạc hậu nhờ áp dụng khoa học - kỹ thuật**

Vụ mía năm 2012-2013 là vụ đầu tiên bà con Hrê ở xã Sơn Thành và Sơn Hạ (Sơn Hà) có thu nhập cao nhất từ trước đến nay. Đó là kết quả tích cực từ việc áp dụng khoa học - kỹ thuật trong việc trồng mía trên đất dốc tại địa phương.

Ông Đinh Văn Khua ở xã Sơn Thành là một trong những hộ tham gia trồng mía theo cách mới, phần khởi chia sẻ: “vụ rồi, tôi chỉ áp dụng trồng mía theo hướng dẫn của cán bộ trên 1,5 hécta nhưng thu về hơn 40 triệu đồng tiền lãi. Cả đời tôi chưa bao giờ có được số tiền lớn như vậy nên vui lắm”.

Vụ mía vừa qua, ông Khua cùng nhiều người khác đã tiến hành trồng mía trên rãnh các tiểu bậc thang ở đất gò đồi khô cần có độ dốc từ 8-15 độ. Đồng thời thực hiện phương pháp tạo rãnh bằng cách sử dụng máy đào, tạo thành lớp dày chừng 25-30 cm.

Với kỹ thuật tuy đơn giản, nhưng đã phát huy tác dụng cao trong việc chống rửa trôi, tạo dinh dưỡng cho vùng đất hoang hoá trước đây vốn chẳng trồng nổi cây gì. Đây là kỹ thuật mới nằm trong Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình thâm canh mía trên đất đồi, gò theo hướng cơ giới hoá” của Sở Khoa học và Công nghệ với sự giúp đỡ đặc lực của Nhà máy đường Phổ Phong.

Để nông dân tiếp cận với phương thức trồng mía khá mới này, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Nhà máy đường Phổ Phong đã tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ chi phí làm đất, cung cấp vôi và phân cho các hộ tham gia dự án. Cán bộ kỹ thuật luân phiên bám ruộng dài ngày để hướng dẫn bà con từng khâu trong suốt quá trình phát triển của cây mía...

Cùng niềm vui với ông Khua là nhiều hộ trồng mía trên đất dốc, áp dụng theo kỹ thuật mới ở huyện Sơn Hà, Minh Long và Ba Tơ. Ông Phạm Văn Đua, ngụ ở xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ là một trong những hộ có nguồn thu nhập ổn định từ cây mía cho biết: hộ gia đình ông đã áp dụng kỹ thuật mới được ba vụ mía và vụ nào cũng thu được năng suất cùng trữ lượng



đường khá cao. Vụ vừa rồi hộ gia đình ông đã thu về 42 triệu đồng tiền lãi từ 1,5 héc-ta mía với năng suất 80 tấn/héc-ta. Đến nay việc áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất đã trở nên quá quen thuộc với nhiều người dân địa phương.

Kể từ khi cây mía được trồng thành công trên đất dốc, cuộc sống của nông dân trồng mía ở các huyện Ba Tơ, Minh Long và Sơn Hà được cải thiện hơn rất nhiều. Đây thực sự là cú hích thay đổi tập quán trồng trọt vốn còn nghèo nàn của người dân địa phương.

### **6. Bảo Thắng (Lào Cai) cải tạo hủ tục**

Những năm trước, ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai trình độ dân trí và nhận thức xã hội còn hạn chế nên tình trạng du canh, du cư còn diễn ra, kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao, hạ tầng cơ sở nhiều khó khăn. Các hủ tục trong việc cưới, việc tang ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



*Lễ hội Gầu tào của đồng bào Mông ở Bảo Thắng.*

Trước thực trạng đó, huyện Bảo Thắng xác định việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu là nhiệm vụ quan trọng trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo ở cơ sở. Công tác tuyên truyền được quan tâm, chú trọng đặc biệt. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền và mở chuyên trang, chuyên mục giới thiệu những mô hình mới, nhân tố mới trong cải tạo phong tục tập quán lạc hậu. Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao tổ chức thông tin lưu động, cổ động, chiếu bóng lưu động, xây dựng nhiều chuyên mục, kịch bản tuyên truyền trên sóng phát thanh, truyền hình và thông qua các hình thức tuyên truyền khác như tuyên truyền bằng miệng, kẻ vẽ pa nô, áp phích, khẩu hiệu, băng rôn và chiếu phim phục vụ đông đảo nhân dân tại các phiên chợ, các khu đông dân cư và thôn, bản vùng cao về việc áp dụng khoa học - kỹ thuật để thay đổi tập quán sản xuất, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức vận động các hội viên ở cơ sở bằng nhiều hình thức sinh động, kịp thời giới thiệu gương người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến trong phong trào phát triển kinh tế, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội nhằm tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

Huyện thành lập Ban chỉ đạo “Cải tạo phong tục tập quán lạc hậu trong đồng bào các dân tộc huyện Bảo Thắng”. Xác định việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu trước hết là đổi mới tư duy của đồng bào trong

phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất lao động, vận động nhân dân không thả rông gia súc, đưa cây giống, con giống mới và áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để tạo ra những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, phát triển hạ tầng, mở đường giao thông liên thôn, liên xã phục vụ cho phát triển kinh tế.

Huyện đã phân công các cơ quan, đơn vị trên địa bàn giúp đỡ 44 thôn đặc biệt khó khăn, nắm tình hình kinh tế - xã hội, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để có những chủ trương cụ thể về phát triển kinh tế, xóa bỏ hủ tục; thành lập hai ban đại diện cộng đồng dân tộc Mông, dân tộc Dao để phát huy vai trò của già làng, trưởng các dòng họ, người có uy tín vận động nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, phong trào “Dân vận khéo” được triển khai rộng khắp đến các cấp, các ngành trong toàn huyện, với 105 mô hình trên các lĩnh vực đã phát huy tác dụng và có sức lan tỏa mạnh, khơi dậy được ý thức tự lực, tự cường, phát huy tối đa các nguồn lực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, huyện đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo điểm trong đồng bào dân tộc Dao về việc cải tạo các phong tục tập quán lạc hậu, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Qua đó, nhân dân đã nhận thức rõ ý nghĩa của việc thực hiện nếp sống văn hóa, xu hướng đơn giản hoá các thủ tục, nghi lễ trong tổ chức lễ cưới đã được thực hiện tốt hơn; cán bộ, đảng viên, công chức đã nghiêm túc thực hiện nếp

sống văn minh trong việc cưới. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, việc tổ chức cưới hỏi cũng có chuyển biến tích cực, không còn thách cưới cao bằng bạc trắng, rượu, thịt, trâu, bò... Các nghi lễ, hủ tục rườm rà trước đây được loại bỏ. Không còn tình trạng cướp vợ, tảo hôn. 264/264 thôn, tổ dân phố đều xây dựng quy ước, hương ước phù hợp với phong tục tập quán từng địa phương, dân tộc.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang đã có chuyển biến tích cực. Người chết được gia đình kịp thời đến chính quyền khai tử, không để người chết lâu trong nhà. Nghi thức tổ chức tang lễ đều do chính quyền, đoàn thể đứng ra tổ chức lo liệu. Không còn tình trạng mổ nhiều trâu, bò, lợn... để làm ma và tổ chức ăn uống linh đình. Việc cúng, làm ma cho người chết cũng lược bớt các hủ tục không còn phù hợp. Không còn tình trạng mời thầy mo, thầy cúng về cúng tế kéo dài “yểm bùa, trừ tà, bắt ma” hoặc làm các nghi lễ có tính mê tín dị đoan gây lãng phí tiền của và thời gian cho gia đình tang chủ.

Việc duy trì, tổ chức, bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc trong huyện được quan tâm chú trọng. Ngay từ cuối năm, các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, lễ hội với phương châm đảm bảo an toàn, tiết kiệm, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Bước đầu phục dựng lại và duy trì một số lễ hội dân gian truyền thống mang đậm nét văn hoá của một số dân tộc thiểu số như: lễ hội Lồng tồng của đồng bào Tày, Nùng; lễ hội

Gầu tào của đồng bào Mông... Nhiều lễ hội được tổ chức gắn với hội thi văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu ở huyện Bảo Thắng trong thời gian qua đã có tác động mạnh góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, bước đầu hình thành những nét văn hoá mới, văn minh, góp phần xây dựng kinh tế - xã hội ở địa phương.

### **7. Điện Biên Đông vận động đồng bào Mông thay đổi hủ tục trong tang lễ**

Điện Biên Đông là một huyện nghèo của tỉnh Điện Biên, trình độ dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Mông còn nhiều hạn chế, với nhiều luật tục lạc hậu là một trong những nguyên nhân cản trở việc xóa đói giảm nghèo nơi đây.

Đồng bào dân tộc Mông khi có người vừa qua đời có tục nổ súng kíp, không đưa người chết vào quan tài. Các nghi thức trong thời gian tổ chức đám tang diễn ra rườm rà, thường kéo dài 3 - 4 ngày, có nơi còn đến 7 ngày, nhờ thầy cúng, thầy mo chọn giờ phù hợp, giờ đẹp mới cho vào quan tài, nên thi thể khi mang đi chôn đã có dấu hiệu phân hủy, gây ô nhiễm mất vệ sinh. Các gia đình có tang thường giết mổ nhiều gia súc, gia cầm. Đối với những gia đình khó khăn không có điều kiện kinh tế thì phải đi vay mượn. Ngoài ra người Mông còn có hủ tục là đến bữa ăn cạy miệng người chết để cho thức ăn vào. Việc làm này gây mất vệ sinh, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sức khỏe của người còn sống.

Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, việc xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới hỏi, tang ma và lễ hội, huyện Điện Biên Đông đã tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào xây dựng nếp sống văn minh, từng bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu; quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa; đổi mới phong tục tập quán trong việc tang cho phù hợp với nếp sống văn minh nhưng không làm mất đi bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

Bên cạnh việc tuyên truyền, huyện còn khuyến khích các gia đình đồng bào Mông tổ chức lễ tang đúng quy định sẽ được hỗ trợ kinh phí 2 triệu đồng để đóng hoặc mua quan tài. Nhờ các biện pháp tuyên truyền, vận động hiệu quả trên mà hiện nay tình trạng đám tang kéo dài nhiều ngày hầu như không còn.

Theo ông Vàng A Hờ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông thì để nâng cao hiệu quả, ý thức người dân thực hiện nếp sống văn minh, huyện đã chỉ đạo các xã triển khai đến từng nhà vận động, thuyết phục. Các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tiên phong trong xóa bỏ các hủ tục này; các nội dung văn minh trong tang lễ cũng được thống nhất bổ sung vào quy ước thôn, bản.

## **8. Xây dựng làng văn hoá là phải quyết tâm xóa bỏ hủ tục**

Làng Le nằm cách trung tâm tỉnh Kon Tum gần 160 cây số, là địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc Rơmăm.

Trời vừa tờ mờ sáng, trên trục đường chính giữa làng, bà con nơi đây đã lục tục kéo nhau lên rẫy, kẻ dắt bò, người mang dụng cụ lao động. Trong buôn làng của đồng bào Romăm, hai bên trục đường cái là hàng trăm nóc nhà sàn, nhà trệt nằm kề nhau xen lẫn nhiều loại cây ăn quả. Nhìn vào những ngôi nhà đó, tuyệt nhiên không thấy tình trạng nuôi trâu, bò, lợn, gà dưới gầm sàn nữa. Bóng dáng cuộc sống hiện đại, văn minh đã tràn về, những cột điện cao vút mọc lên dẫn nguồn điện vào tận nhà...

Trên lưng các mẹ, các bà những đứa trẻ lên một lên hai vẫn say tròn giấc ngủ. Một ngày đến với họ từ rất sớm. Vào trong ngôi nhà rộng của làng, trên những vách nứa treo đầy những bằng khen, giấy khen của xã, huyện. Họ lại mới có thêm một tấm bằng nữa - tấm bằng mà cả dân làng chung tay tạo dựng nên: Bằng công nhận Làng văn hoá.

Ngồi trong ngôi nhà thiêng, trưởng thôn kể lại quá trình xoá bỏ hủ tục của bà con trong làng, gian nan, vất vả lắm. Ví như trước đây, gái trai trong làng phải lấy người dân tộc mình. Ai phải lòng người dân tộc khác là họ hàng không chấp nhận. Hoặc như gái trai đến tuổi 13, 14 đã lấy chồng lấy vợ. Bây giờ trai gái trong làng yêu người dân tộc khác vẫn được lấy; con gái phải đến 18, 19 tuổi mới được lập gia đình, xã đứng ra làm lễ đăng ký kết hôn. Hay như trước đây, làng có tục chôn chung quan tài, ví như năm nay gia đình có người mất, họ hàng thân tộc lên rừng tìm cây gỗ to, nạo lòng để chôn người chết. Hai hoặc ba năm sau, ai đó trong gia đình mất thì cũng được đem chôn ngay trong quan tài

của người trước. Tục này nay đã bỏ rồi. Cán bộ văn hoá, bộ đội biên phòng bảo như thế là mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khoẻ nên làng vận động bà con cùng nhau bỏ. Bây giờ không còn tục chôn chung quan tài nữa...

Bà con dân tộc Romăm làng Le không còn ra suối để lấy nước về ăn uống, sinh hoạt nữa mà hiện nay đã có 18 giếng đào để lấy nước sạch. Đời sống bà con đã được cải thiện rất nhiều, không còn cảnh đói triền miên. Các hủ tục xưa đã bị đẩy lùi. Bà con bảo nhau: muốn xây dựng làng văn hoá, phải bỏ hủ tục thôi.

### **9. Mô hình “Hội Nghệ nhân dân gian” trong công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bài trừ hủ tục**

Trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang hiện có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc Nùng chiếm khoảng 40%, dân tộc Dao chiếm khoảng 25%, còn lại là các dân tộc: Mường, Tày, La Chí, Phù Lá, Sán Chay... Số lượng đông đảo các dân tộc đã làm giàu bản sắc văn hoá cho mảnh đất này với nhiều lễ hội độc đáo nổi tiếng như: lễ Cấp sắc, Nhảy lửa, Cầu mùa của dân tộc Dao; lễ hội Lồng tồng của dân tộc Tày; lễ Cúng rùng của dân tộc Nùng; lễ hội Gầu tào của dân tộc Mông... Sự đa dạng bản sắc văn hoá dân tộc còn được thể hiện qua kho tàng các làn điệu dân ca, hát giao duyên, hát then, hát si, lượn, múa khèn; các trò chơi dân gian như đẩy gậy, đi cà kheo, đánh yến, đánh săng...; các làng nghề đúc, rèn, thêu thùa...; các món ăn độc đáo trong nghệ thuật ẩm thực



như thắng cố, chè Shan tuyết, đậu phụ nhự, mèn mén... Tuy nhiên, do tác động của mặt trái cơ chế thị trường, việc duy trì, bảo tồn vốn di sản văn hoá, nghề truyền thống của các dân tộc gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí còn đối mặt với nguy cơ mai một. Bên cạnh những nét đẹp truyền thống mang đậm chất riêng của từng dân tộc còn tồn tại những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan như việc tổ chức ma chay, cưới xin rườm rà, tốn kém, lãng phí tiền của, thời gian, sức lao động; một bộ phận nhân dân còn tin vào thần linh, tổ chức cúng ma mỗi khi đau ốm làm ảnh hưởng đến sự tiến bộ trong cộng đồng dân cư.

Để bảo tồn, phát huy vốn văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, bài trừ hủ tục, tạo sự hoà thuận giữa các dân tộc, từ năm 2006, Huyện uỷ Hoàng Su Phì đã có chủ trương thành lập Hội Nghệ nhân dân gian tại các xã, thị trấn trong huyện. Đến nay, 25/25 xã, thị trấn trong huyện đã thành lập được Hội Nghệ nhân dân gian với tổng số 239 Ủy viên ban chấp hành và 658 hội viên. Muốn gia nhập hội, các hội viên phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo chỉ đạo của huyện. Đó phải là những người có uy tín, được nhân dân tín nhiệm, giỏi các nghề truyền thống, hiểu biết sâu sắc văn hoá, văn nghệ dân gian của dân tộc... Đồng thời, có khả năng phát huy, truyền đạt vốn di sản văn hoá truyền thống của dân tộc mình cho các thế hệ sau.

Hội họp định kỳ 3 tháng một lần tại xã để nghe các hội viên báo cáo kết quả hoạt động; chấn chỉnh những hội viên có biểu hiện vi phạm quy chế; thông báo những nội dung chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền và

Mặt trận Tổ quốc có liên quan đến hoạt động của Hội. Các hội viên không phải đóng hội phí mà đến cuộc họp tổng kết cuối năm tự nguyện góp gạo, thực phẩm, rau xanh... để liên hoan chung. Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức Hội Nghệ nhân dân gian các xã có kinh phí hoạt động, Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định từ năm 2011, hỗ trợ kinh phí 5 triệu đồng/xã/năm; hỗ trợ hoạt động phí với Chủ tịch hội là 100.000đ/tháng; Phó Chủ tịch hội là 70.000đ/tháng; Thư ký hội 40.000đ/tháng. Hội Nghệ nhân dân gian chịu sự quản lý trực tiếp của Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn.

Thực tế cho thấy, nghệ nhân dân gian thường là các già làng, trưởng bản, người có uy tín. Họ am hiểu sâu sắc phong tục, tập quán, văn hoá truyền thống của dân tộc. Mỗi lời họ nói, mỗi việc họ làm đều có trọng lượng lớn với cộng đồng, dòng họ.

Tại xã Bản Páo, trước khi có tổ chức Hội, nhiều hủ tục vẫn còn tồn tại. Một đám ma của người Dao kéo dài 4 ngày, 4 đêm; đám cưới thách tới 50 lạng bạc. Người Mông làm đám ma trong 2 ngày, 2 đêm. Ông chủ đám được lấy một đùi trâu, nếu gia đình không mổ trâu thì lấy bằng tiền mặt lên tới 2-3 triệu đồng. Đám cưới người Mông kéo dài 3 ngày, 3 đêm, nhà trai phải mang sang nhà gái một con trâu to, 4 triệu đồng tiền mặt, 70kg thịt lợn, 70 chai rượu, 70kg gạo... Ngoài ra, hằng năm thường xuyên xảy ra vài vụ cưới tảo hôn; lấy vợ, lấy chồng cùng huyết thống; sinh con thứ 3, thậm chí thứ 5 trở lên...

Từ khi Hội Nghệ nhân dân gian thành lập, các hội viên đã tích cực tuyên truyền, vận động con cháu, dòng họ và nhân dân địa phương nên các hủ tục dần

được xoá bỏ. Trong tổ chức và hoạt động, các Hội đã xây dựng được quy chế, quy ước rõ ràng, cụ thể. Ví dụ như tại xã Phổ Lễ, quy định mức tiền công đối với thầy cúng chỉ từ 20 nghìn đồng đến không quá 260 nghìn đồng/lần. Đối với việc cưới, để tránh tình trạng tảo hôn, muốn xem tuổi tác, ngày giờ, đôi nam nữ phải có xác nhận của chính quyền xã đã đủ 20 tuổi đối với nam và 18 tuổi đối với nữ. Gia đình nào cố tình tổ chức cưới khi con chưa đủ tuổi theo quy định thì tất cả các thành viên của Hội không ai được xem ngày cũng như tham gia những việc trong đám cưới như làm chủ hôn, đi đưa đón dâu... Những hội viên nào vi phạm quy ước việc cưới, việc tang bị phạt từ 20 nghìn đồng đến 200 nghìn đồng/lần.

Trong việc bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của dân tộc, Hội Nghệ nhân dân gian các xã đều quy định rõ trách nhiệm của hội viên là sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy các di sản văn hoá, văn nghệ (các làn điệu múa hát truyền thống), nghề thủ công truyền thống như dệt, nhuộm, thêu, mộc (vật dụng, đồ dùng gia đình, công cụ sản xuất), làm nhà sàn; chế tác các nhạc cụ (trống, chiêng, nhị, khèn, sáo), chữa bệnh theo phương pháp dân gian... Hội viên giỏi về lĩnh vực nào thì được phân công phụ trách lĩnh vực đó.

Từ hiệu quả hoạt động của mô hình Hội Nghệ nhân dân gian, huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn rà soát và phân loại vốn di sản văn hoá của từng dân tộc có nguy cơ bị mai một để phối hợp với Hội khôi phục, duy trì, giữ gìn và phát huy trên địa bàn. Chính quyền

huyện cũng phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp làm tốt công tác quản lý, hướng dẫn tổ chức hoạt động của Hội. Có thể nói đây là mô hình hay góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và bài trừ hủ tục cần được nhân rộng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **10. Cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang tại thôn 6 xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai**

Thôn 6 hay còn gọi là thôn Cùm Hạ 2 thuộc xã Đồng Tuyển có 65 hộ dân cùng chung sống, trong đó 99% là người dân tộc Giáy. Đời sống của đồng bào chủ yếu phụ thuộc vào trồng trọt, chăn nuôi. Những năm gần đây thực hiện quy hoạch dự án khu khai thác tuyển quặng Bắc Nhạc Sơn, phần lớn hộ dân trong thôn phải di chuyển tái định cư tại chỗ; diện tích ruộng cấy lúa, đất sản xuất lâm nghiệp bị thu hẹp, nhân dân phải chuyển đổi nghề, đời sống gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó các hủ tục còn đeo bám gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, ví dụ như: nạn tảo hôn, thách cưới cao, tổ chức lễ cưới linh đình; đám ma kéo dài ngày, ăn uống nhiều bữa, người chết để trong nhà lâu. Trước thực trạng đó, thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố đã chọn xây dựng mô hình chỉ đạo điểm tại thôn 6, xã Đồng Tuyển: “Cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang”. Để triển khai thực hiện tốt mô hình Ủy ban nhân dân xã đã hướng dẫn Ban công tác mặt trận khu dân cư xây dựng kế hoạch: “Cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Phát huy vai trò nòng cốt của cán

bộ mặt trận, Bí thư Chi bộ phối hợp cùng trưởng thôn, các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ quan điểm của thành phố, của xã để nhân dân đồng tình ủng hộ. Ông Vi Văn Cồ - Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Mặt trận thôn 6 cho biết: thôn đã tổ chức họp dân thống nhất bổ sung xây dựng hương ước với các nội dung: không cưới tảo hôn, không lấy vợ lấy chồng cùng hoặc cận huyết thống, không thách cưới cao; không tổ chức ăn uống nhiều bữa kéo dài trong đám cưới, đám tang; không để người chết trong nhà quá 48 tiếng; phải cho người chết vào quan tài; không bói toán cúng ma khi có người ốm; không thả rông gia súc; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương; đoàn kết giúp đỡ nhau lúc khó khăn hoạn nạn; tích cực tham gia xây dựng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống bằng nhiều hình thức tuyên truyền vận động qua họp thôn, sinh hoạt tổ chức Hội, nâng cao tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, nhận thức của đồng bào trong việc cải tạo tập tục lạc hậu đã chuyển biến. Từ đầu năm 2011 đến nay, trong thôn không có trường hợp vi phạm quy định. Đám cưới được tổ chức trang trọng, gọn nhẹ, không còn tình trạng thách cưới cao, ép gả, tảo hôn. Tang lễ được tổ chức chu đáo, tiết kiệm; chỉ sử dụng tăng âm loa đài cho công tác tổ chức, không sử dụng tăng âm đối với ban nhạc hiếu.

Qua triển khai, mô hình đã và đang mang lại kết quả rõ rệt. Các hủ tục dần được xóa bỏ, đời sống của nhân dân được nâng lên. Nhân dân trong thôn tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế, giúp nhau xóa đói giảm nghèo; các cháu học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập được quan tâm, động viên kịp thời; trong thôn không

có trẻ em bỏ học, thất học, không có người vi phạm pháp luật, không có người nghiện ma túy. Năm 2011 có 80% số hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, tăng 20% so với năm 2010. Ông Bùi Quang Nhuệ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã cho biết, để duy trì thực hiện tốt mô hình, xã thường xuyên đôn đốc giám sát, lấy kết quả mô hình để nhân rộng trên địa bàn. Kết quả mô hình “Cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang, xây dựng nếp sống văn minh” ở thôn 6, xã Đồng Tuyển đang góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi phong trào xây dựng nông thôn mới.

### **11. Khởi sắc nhờ xóa bỏ hủ tục**

Ngải Thầu là xã vùng cao, biên giới của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, có 99% dân số là người Mông, với hơn 300 hộ gia đình, sinh sống ở 7 thôn, bản. Trước kia, trên địa bàn xã tồn tại nhiều hủ tục nên đói nghèo luôn là nỗi ám ảnh của mỗi gia đình. Nhức nhối nhất vẫn là hủ tục để người chết lâu ngày trong nhà và chôn cất không có áo quan. Việc tang là nỗi lo đè nặng lên tang chủ, nếu không có nhiều gia súc, gia cầm làm ma thì người chết không được chôn cất. Người chết thường được chôn ở ven rừng, dưới thung lũng, không theo quy hoạch... làm ảnh hưởng đến sức khỏe và vệ sinh môi trường.



*Đội văn nghệ xã Ngải Thầu biểu diễn  
trong ngày văn hóa Mông.*

Trong việc cưới, người Mông ở Ngải Thầu thường dựng vợ, gả chồng cho con khi tuổi đời còn rất trẻ (13 - 14 tuổi). Do không được tìm hiểu trước hôn nhân hoặc hôn nhân cùng huyết thống nên chưa đủ khả năng gánh vác trách nhiệm gia đình dẫn đến đói nghèo, bệnh tật, giống nòi chậm phát triển, gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và thế hệ tương lai. Để đời sống của người dân thay đổi, xã Ngải Thầu được huyện Bát Xát chọn làm điểm về cải tạo hủ tục trong việc cưới, việc tang. Cùng với nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động, huyện còn tổ chức cho già làng,

trưởng thôn, bản và hai dòng họ Thào và họ Lù đi tham quan, học tập tại xã Sín Chéng huyện Si Ma Cai. Nhờ sự nỗ lực, những hủ tục như tảo hôn, mê tín dị đoan, ma chay, cưới hỏi dài ngày, thói quen ăn ở mất vệ sinh... đã giảm rõ rệt. Trước đây, thôn Phìn Chải có 70 hộ gia đình người Mông họ Thào, khi trong thôn có người chết, họ thường làm ma lâu ngày và chôn cất không cho vào áo quan. Việc cưới còn có tục tảo hôn mang tính chất gả bán... Trước thực trạng đó, trong các buổi họp thôn, lãnh đạo xã trực tiếp dự và tuyên truyền, vận động để bà con nắm được Luật hôn nhân và gia đình, chính quyền xã phối hợp với trưởng thôn, bản rà soát các trường hợp nam, nữ ở độ tuổi sắp kết hôn... Khi phát hiện gia đình nào định tổ chức cưới cho con khi chưa đủ tuổi, trưởng thôn lập danh sách báo cáo xã, cử người đến gặp gia đình giải thích và yêu cầu ký cam kết... Do thực hiện quyết liệt, đến nay trên địa bàn thôn không còn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Gia đình có người qua đời đều đưa vào áo quan và chôn trước giờ quy định, tiết kiệm trong tổ chức tang ma, bỏ tục bắn súng thay bằng việc trưởng thôn hoặc gia đình đến tận nơi báo tin cho anh em, họ hàng gần xa biết đến chia buồn, giúp đỡ.

Hiện nay, những hủ tục ở Ngải Thầu đã được đẩy lùi. Hằng năm, xã tổ chức các lễ hội mang đậm bản sắc dân tộc, duy trì lễ hội ăn thề bảo vệ rừng giúp người dân ý thức hơn trong việc bảo vệ và phát triển rừng. Đặc biệt, việc học tập của trẻ em được các gia đình quan tâm nhiều hơn. Thầy giáo Nguyễn Văn Trọng, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Ngải Thầu cho biết: mấy



năm trước, việc vận động học sinh ra lớp rất khó khăn, vì bố mẹ bắt nghỉ học để dựng vợ gả chồng, một số phải phụ giúp gia đình chăn trâu, làm nương. Bây giờ thì khác, 100% số trẻ trong độ tuổi đều được đến trường, các gia đình tích cực tham gia xã hội hóa giáo dục.

Nhắc đến hủ tục của người Mông ở đây, anh Thào A Sáng, Trưởng thôn Phìn Chải 1 bộc bạch: Trước đây, người Mông không biết cách phát triển kinh tế, nhiều đất, nhiều rừng mà không biết làm lúa nước và trồng cây thảo quả, nên cuộc sống luôn nghèo khổ. Mọi chuyện thay đổi bắt đầu từ khi cấp ủy đảng, chính quyền đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khai thông tư tưởng trong nhân dân, xóa bỏ hủ tục, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc. Đồng bào đã biết khai hoang ruộng trồng lúa nước, trồng cây thảo quả dưới tán rừng già và phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa... Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được cải thiện, an ninh trật tự giữ vững, các hủ tục được đẩy lùi, không còn hộ đói, hộ nghèo giảm hẳn, nhiều hộ có thu nhập cao từ trồng thảo quả và chăn nuôi gia súc. Hiện toàn xã có 80% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, 70% hộ có phương tiện nghe, nhìn và phương tiện đi lại. Sự thay đổi của đồng bào dân tộc Mông ở Ngải Thầu trong việc nâng cao nhận thức để tiếp thu cái mới, loại bỏ những tập tục lạc hậu đã góp phần vào sự phát triển chung của địa phương. Đó chính là bước tiến vững chắc trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Ngải Thầu.

*Phụ lục*

**MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC  
QUY ĐỊNH THỰC HIỆN nếp sống  
VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI,  
VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI**

**1. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-01-1998 của Bộ  
Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc  
cưới, việc tang, lễ hội**

Từ nhiều năm qua, Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa đã được thực hiện trong cả nước. Nhiều tỉnh, thành phố đã có những việc làm thiết thực đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn ấp văn hóa; bước đầu hình thành một số nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội, cải tạo phong tục, tập quán lạc hậu, phát huy truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, thủy chung của dân tộc.

Những năm gần đây, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, chúng ta đã có phần buông lỏng chỉ đạo, quản lý trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội, xem nhẹ việc giáo dục nếp sống và lối sống, thiếu sự hướng dẫn kịp thời về phong tục, thiếu

những quy định cụ thể của Nhà nước đối với việc cưới, việc tang, lễ hội nên đã để phát sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh trong xã hội. Nhiều gia đình, trong đó có cả những cán bộ có chức quyền, vì động cơ hiếu danh, vụ lợi, tổ chức đám cưới, đám tang linh đình, phô trương, có những trường hợp thực chất là “bán cổ thu tiền”. Mê tín dị đoan cùng nhiều hủ tục, kể cả một số hủ tục mới hình thành do thói đua đòi, và do cách học theo nước ngoài thiếu sự phê phán, chọn lọc, đang có khuynh hướng phục hồi và phát triển khá phổ biến ở nhiều nơi...

Những hiện tượng trên trở thành những vấn đề xã hội nhức nhối, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống cần kiệm, giản dị của dân tộc, phá hoại thuần phong, mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân, ngày càng bị những bộ phận tiên tiến trong nhân dân lên án, không đồng tình.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa, trong đó có việc thiết lập nếp sống lành mạnh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo những định hướng:

- Bảo tồn có chọn lọc, cải tiến, đổi mới những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; loại bỏ dần trong cuộc sống những hình thức lỗi thời, lạc hậu; nghiên cứu xây dựng và hình thành dần những hình thức vừa văn minh, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa lãng phí, phiền nhiễu.

- Chống khuynh hướng kinh doanh, vụ lợi.

- Xoá bỏ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan.

Để thực hiện chủ trương trên, cần làm tốt một số công việc sau đây:

1. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải thực sự quan tâm, có kế hoạch cụ thể chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng của địa phương ngay trong dịp tết và xuân Mậu Dần này.

2. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi, nêu cao vai trò làm chủ, ý thức tự giác của nhân dân, xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn về nếp sống văn minh - gia đình văn hóa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị, tổ chức xã hội đóng vai trò nòng cốt phối hợp kế hoạch tiến hành cuộc vận động từ cơ sở xã, phường, lôi cuốn mọi người, mọi lực lượng tham gia, tạo ra dư luận xã hội mạnh mẽ phê phán những biểu hiện cổ hủ, xa hoa lãng phí, hiếu danh, vụ lợi trong cưới xin, ma chay, tế lễ không phù hợp với yêu cầu của cuộc sống văn minh.

3. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhân viên nhà nước và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân phải gương mẫu chấp hành những quy định của Nhà nước, quy ước của địa phương, cơ quan, đơn vị về nếp sống văn minh, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, cổ hủ, xa hoa lãng phí, vụ lợi trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đây là một tiêu

chuẩn để đánh gia cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Nghiêm khắc phê bình và xử lý kỷ luật thích đáng đối với những đảng viên, đoàn viên, cán bộ và chiến sĩ vi phạm nếp sống văn minh.

4. Ngành văn hóa - thông tin có trách nhiệm xây dựng và hướng dẫn những nghi thức phù hợp trong việc cưới, việc tang, lễ hội; kiến nghị Nhà nước bổ sung luật lệ và quy định về lĩnh vực này theo các định hướng đã nêu ở trên; các địa phương dựa vào các quy định này mà cụ thể hóa và vận dụng thích hợp với điều kiện của từng vùng, miền và đồng bào các dân tộc.

5. Các cơ quan truyền thông đại chúng, văn hóa, nghệ thuật có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền về cuộc vận động này, nêu gương những điển hình tiên tiến, những mô hình làm tốt về nếp sống văn minh - gia đình văn hóa, giữ gìn thuần phong mỹ tục; hình thành những tập quán mới tiến bộ, khắc phục các tập quán lạc hậu.

6. Các cấp ủy đảng, cơ quan, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có kế hoạch cụ thể để bảo đảm thực hiện thắng lợi cuộc vận động.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự đảng các ngành, các cấp theo dõi, kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và có báo cáo việc thi hành Chỉ thị này.

**2. Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội (Ban hành kèm theo Quyết định**

**số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ)**

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.**

1. Quy chế này quy định việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, công ty của nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện Quy chế này.

3. Mọi gia đình công dân có trách nhiệm thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

**Điều 2.** Tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải đảm bảo:

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không được thực hiện các hoạt động mê tín dị đoan như xem số, xem bói, xóc thẻ, yểm bùa, trừ tà và các hình thức mê tín dị đoan khác.

2. Không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không lợi dụng để truyền đạo trái phép và có các hoạt động chia rẽ đoàn kết dân tộc.

3. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng.

4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Giữ gìn sự yên tĩnh, hạn chế gây tiếng ồn vào ban đêm.

6. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này không mời, không dự tiệc cưới trong giờ làm việc; không sử dụng thời gian làm việc, công quỹ và phương tiện của cơ quan, đơn vị, tổ chức để đi dự lễ hội khi không có nhiệm vụ.

7. Không lợi dụng việc cưới, việc tang để nhận quà biếu nhằm trục lợi cá nhân; sử dụng công quỹ của cơ quan, đơn vị, tổ chức để làm quà mừng cưới, viếng đám tang phục vụ cho mục đích cá nhân.

## *Chương II*

### **MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### *Mục 1*

#### **TỔ CHỨC VIỆC CƯỚI**

##### **Điều 3.**

1. Việc cưới cần được tổ chức trang trọng, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.

2. Các thủ tục có tính phong tục, tập quán như chạm ngõ; lễ hỏi; xin dâu cần được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ.

3. Trang trí lễ cưới và trang phục cô dâu, chú rể

phải lịch sự, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc.

4. Trường hợp tổ chức ăn uống cần tiết kiệm, không kéo dài nhiều ngày và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Lễ đăng ký kết hôn và trao giấy chứng nhận kết hôn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

**Điều 4.** Khuyến khích thực hiện các hình thức sau trong việc cưới:

1. Báo hỷ thay cho mời dự lễ cưới, tiệc cưới.

2. Tổ chức tiệc trà thay cho tổ chức tiệc mặn tại gia đình, hội trường cơ quan, nhà văn hoá... tổ chức đám cưới không hút thuốc lá.

3. Cơ quan, tổ chức hoặc đoàn thể xã hội đứng ra tổ chức lễ cưới.

4. Đặt hoa ở đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ hoặc trồng cây lưu niệm ở vườn cây hạnh phúc tại địa phương trong ngày cưới.

**Điều 5.** Tổ chức cưới và đưa đón dâu phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng.

## *Mục 2*

### TỔ CHỨC VIỆC TANG

**Điều 6.** Tổ chức việc tang phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hộ tịch, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; việc tang cần được tổ chức chu đáo,



trang nghiêm, gọn nhẹ, tiết kiệm; khi đưa tang phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự an toàn công cộng; hạn chế tối đa việc rắc vàng mã, tiền âm phủ trên đường; không rắc tiền giấy hoặc tiền xu trên đường; thực hiện những quy định trong hương ước, quy ước của địa phương về việc tang.

Việc quàn, chôn cất, hỏa táng, điện táng, bốc mộ và di chuyển thi hài, hài cốt phải thực hiện theo quy định tại Điều lệ Vệ sinh ban hành kèm theo Nghị định số 23/HĐBT ngày 24 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

**Điều 7.** Tang phục; cờ tang và treo cờ tang theo phong tục truyền thống của từng vùng, miền, dân tộc, tôn giáo.

**Điều 8.** Khuyến khích thực hiện các hình thức sau trong việc tang:

1. Sử dụng băng, đĩa nhạc tang thay cho phường bát âm.
2. Hạn chế mang vòng hoa.
3. Các hình thức hỏa táng, điện táng.
4. Các tuần tiết trong việc tang như lễ cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu và cái táng nên tổ chức trong nội bộ gia đình, họ tộc, bạn thân.

**Điều 9.** Việc tổ chức tang lễ đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần ban hành kèm theo Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ.

**Điều 10.** Chính quyền địa phương các cấp phải có quy hoạch, kế hoạch và đầu tư kinh phí, từng bước xây dựng nghĩa trang thành công trình văn hoá tưởng niệm của địa phương.

**Điều 11.** Việc chôn, cải táng, xây mộ phải nằm trong quy hoạch nghĩa trang. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể việc xây mộ cho phù hợp với quỹ đất, phong tục, tập quán của địa phương mình.

### *Mục 3*

### LỄ HỘI

**Điều 12.** Khi tổ chức lễ hội, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về di sản văn hoá và Quy chế tổ chức lễ hội do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành.

**Điều 13.** Chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải có biện pháp quản lý chặt chẽ, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm di tích, danh lam thắng cảnh; lừa đảo, trộm cắp của du khách; thương mại hoá và các hoạt động mê tín dị đoan trong lễ hội theo phạm vi và thẩm quyền của mình khi tổ chức lễ hội.

**Điều 14.** Tổ chức lễ đón nhận Huân chương, danh hiệu cao quý và các ngày lễ kỷ niệm, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09

tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

### *Chương III*

## **KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 15.**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định trong Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16.**

1. Thủ trưởng cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, công ty của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang có trách nhiệm phổ biến, giáo dục, động viên và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình thực hiện Quy chế này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung tại Quy chế này xây dựng quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội cho phù hợp đối với cơ quan, đơn vị, địa phương mình và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc các cấp, các đoàn thể xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội tới toàn thể nhân dân ở địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch phát huy các nguồn lực để xây dựng nhà văn hoá, nhà tang lễ, trang bị xe tang của địa phương, góp phần thực hiện tốt việc cưới, việc tang cho nhân dân.

4. Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hoá thông tin có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền sâu rộng, phát hiện, cổ vũ, động viên những mô hình hay, kinh nghiệm tốt trong việc thực hiện Quy chế; phê phán các biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế này.

**3. Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21-01-2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội**

### *Chương I*

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được tổ chức trong phạm vi cả nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào việc cưới, việc tang và lễ hội tại Việt Nam.

## **Điều 2. Những nguyên tắc trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội**

Tổ chức, cá nhân khi tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan.

2. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để hoạt động nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình.

3. Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông và trật tự, an toàn công cộng.

4. Không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Không được sử dụng thời gian làm việc và phương tiện của cơ quan đi đám cưới, lễ hội (trừ cơ quan làm nhiệm vụ); không sử dụng công quỹ của cơ quan làm quà mừng, quà tặng trong đám cưới và viếng đám tang.

## *Chương II*

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### *Mục 1*

## NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI

### **Điều 3. Tổ chức việc cưới**

Việc cưới phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 4. Đăng ký kết hôn**

1. Đôi nam nữ để trở thành vợ chồng phải đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai người theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc đăng ký kết hôn theo đúng thủ tục do pháp luật quy định.

### **Điều 5. Trao giấy chứng nhận kết hôn**

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức trao giấy chứng nhận kết hôn cho đôi nam nữ đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn, thể hiện sự thừa nhận kết hôn hợp pháp của Nhà nước và pháp luật.

### **Điều 6. Tổ chức lễ cưới tại gia đình hoặc tại địa điểm cưới**

1. Việc tổ chức lễ cưới tại gia đình hoặc tại địa điểm cưới phải thực hiện các quy định sau:

a) Đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, vui tươi, lành

mạnh, phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá của từng địa phương, dân tộc, tôn giáo và phù hợp với hoàn cảnh của hai gia đình;

b) Các thủ tục chạm ngõ, ăn hỏi, rước dâu cần được tổ chức theo phong tục, tập quán; không phô trương hình thức, rườm rà; không nặng về đòi hỏi lễ vật;

c) Địa điểm cưới do hai gia đình lựa chọn; thời gian tổ chức tiệc cưới không làm ảnh hưởng đến thời gian lao động của Nhà nước; chỉ mời khách dự tiệc cưới trong phạm vi gia đình, họ tộc thân thích, bạn bè và đồng nghiệp thân thiết;

d) Tổ chức tiệc cưới phù hợp với hoàn cảnh gia đình, tránh phô trương, lãng phí;

đ) Trang trí lễ cưới cần giản dị, không rườm rà, phô trương; trang phục cô dâu, chú rể đẹp và lịch sự, phù hợp với văn hoá dân tộc;

e) Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam thực hiện tại bản tiêu chuẩn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2351/1998/QĐ-BKHCNMT ngày 5 tháng 12 năm 1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ); không mở nhạc trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm.

2. Khuyến khích thực hiện các hoạt động sau trong tổ chức việc cưới:

a) Dùng hình thức báo hỷ thay cho giấy mời dự lễ cưới, tiệc cưới;

b) Hạn chế tổ chức tiệc cưới linh đình, chỉ tổ chức

tiệc trà, tiệc ngọt trong lễ cưới;

c) Không sử dụng thuốc lá trong đám cưới;

d) Cơ quan, tổ chức, đoàn thể đứng ra tổ chức lễ cưới;

đ) Cô dâu, chú rể và gia đình đặt hoa tại đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, di tích lịch sử - văn hoá; trồng cây lưu niệm tại địa phương trong ngày cưới;

e) Cô dâu, chú rể và gia đình mặc trang phục truyền thống hoặc trang phục của dân tộc mình trong ngày cưới.

## *Mục 2*

### **NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC TANG**

#### **Điều 7. Tổ chức việc tang**

Việc tang phải được tổ chức theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 8. Khai tử**

Khi có người qua đời, gia đình hoặc thân nhân phải làm thủ tục khai tử trước khi tổ chức lễ tang theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức lễ tang**

1. Lễ tang do gia đình người qua đời quyết định tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng.

2. Trong trường hợp lễ tang do Ban lễ tang tổ chức, Ban lễ tang có trách nhiệm phối hợp với gia đình



người qua đời thống nhất quyết định những vấn đề liên quan đến việc tổ chức tang lễ.

3. Nếu người qua đời không có gia đình hoặc thân nhân đứng ra tổ chức lễ tang thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với các đoàn thể quần chúng chịu trách nhiệm tổ chức khâm liệm và mai táng chu đáo theo phong tục truyền thống.

### **Điều 10. Tổ chức lễ tang**

1. Lễ tang được tổ chức tại nhà hoặc tại địa điểm công cộng phải thực hiện các quy định sau:

a) Lễ tang phải được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm, phù hợp với tập quán, truyền thống văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người qua đời;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ tang chu đáo; vận động gia đình có người từ trần xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, các hành vi mê tín dị đoan trong lễ tang;

c) Việc quàn ướp thi hài thực hiện theo Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng;

d) Việc mặc tang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc và tôn giáo; chỉ treo cờ tang tại địa điểm tổ chức lễ tang;

đ) Không cử nhạc tang trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho

phép theo tiêu chuẩn Việt Nam thực hiện tại bản tiêu chuẩn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2351/1998/QĐ-BKHCNMT ngày 5 tháng 12 năm 1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

Trường hợp người qua đời theo một tôn giáo hoặc là đồng bào dân tộc thiểu số, trong lễ tang được sử dụng nhạc tang của tôn giáo hoặc của dân tộc thiểu số đó; không sử dụng các nhạc khúc không phù hợp trong lễ tang;

e) Cấm rải tiền Việt Nam và các loại tiền của nước ngoài trên đường đưa tang;

g) Người qua đời phải được chôn cất trong nghĩa trang; trường hợp chưa xây dựng được nghĩa trang, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân tổ chức chôn cất phù hợp với quy hoạch quỹ đất của địa phương;

h) Việc tổ chức ăn uống trong lễ tang chỉ thực hiện trong nội bộ gia đình, dòng họ và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm;

i) Nghiêm cấm lợi dụng việc tang để hành nghề mê tín dị đoan dưới mọi hình thức; nghiêm cấm lợi dụng việc tang để cản trở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân trước pháp luật.

2. Lễ tang của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan,

chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân), khi tổ chức, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện các quy định tại Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức tang lễ đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước khi từ trần.

3. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức việc tang:

a) Các nghi thức cúng ba ngày, bảy ngày, bốn chín ngày, một trăm ngày, giỗ đầu, giỗ hết, cải táng chỉ thực hiện trong ngày và trong nội bộ gia đình, dòng họ;

b) Thực hiện hình thức hỏa táng, điện táng, hung táng một lần vào khu vực nghĩa trang đã được quy hoạch;

c) Việc chôn cất người qua đời thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

d) Xoá bỏ các hủ tục mê tín lạc hậu như yểm bùa, trừ tà, lặn đường, khóc mướn và những nghi thức rườm rà khác;

đ) Không rắc vàng mã trên đường đưa tang.

### **Điều 11. Việc xây cất mộ**

1. Việc xây cất mộ phải thực hiện các quy định của Bộ Xây dựng.

2. Khuyến khích các địa phương xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch, đảm bảo khoa học, tiện lợi cho việc chôn cất, phù hợp với quy định của pháp luật về

xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

3. Khuyến khích việc xây dựng nghĩa trang thành công trình văn hoá tưởng niệm tại địa phương.

### *Mục 3*

## **NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG LỄ HỘI**

### **Điều 12. Tổ chức lễ hội**

1. Tổ chức, cá nhân, khi tổ chức hoặc tham gia lễ hội, phải thực hiện các quy định sau:

a) Nghi thức lễ hội phải được tiến hành trang trọng, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc;

b) Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo nơi trang trọng, cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo; chỉ treo cờ hội, cờ tôn giáo tại địa điểm lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội;

c) Thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban tổ chức lễ hội;

d) Trang phục đẹp, lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục;

đ) Không nói tục, xúc phạm tâm linh và ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội;

e) Bảo đảm trật tự, an ninh khi dự lễ hội; không đốt pháo, đốt và thả đèn trời;

g) Ứng xử có văn hoá trong hoạt động lễ hội;

h) Bỏ rác vào nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường;

i) Không bán vé vào dự lễ hội;

k) Nếu tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, trưng bày triển lãm trong khu vực

lễ hội thì được bán vé cho các hoạt động đó; giá vé thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính;

l) Nghiêm cấm lợi dụng lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sấm truyền, yểm bùa, trừ tà, phù phép chữa bệnh;

m) Không đốt đồ mã trong khu vực lễ hội.

2. Khuyến khích các hoạt động sau trong tổ chức lễ hội:

a) Tổ chức giới thiệu ý nghĩa lịch sử của lễ hội, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam;

b) Tưởng nhớ công đức của ông cha, ghi nhận công lao của các bậc tiền bối trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc;

c) Tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi mới và các hoạt động văn hoá, thể thao có nội dung bổ ích, lành mạnh, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội;

d) Thắp hương theo quy định của Ban tổ chức lễ hội.

### *Chương III*

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang có trách nhiệm phổ biến và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng

1 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Kết luận số 51-KL/TW ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW ngày 12 tháng 1 năm 1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và Thông tư này tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ và nhân dân.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí tổ chức tuyên truyền để tạo thành dư luận xã hội hỗ trợ tích cực việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định tại Thông tư này.

3. Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đặc biệt chú trọng hướng dẫn xây dựng các quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội phù hợp với phong tục, tập quán từng vùng, từng dân tộc; tập trung chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm từ những cơ sở tốt nhân ra diện rộng; gắn việc thực hiện quy ước về việc cưới, việc tang và lễ hội với xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, cơ quan, xí nghiệp, trường học văn hoá trong phong trào

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”.

4. Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn thanh tra chuyên ngành các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

5. Cục Văn hoá cơ sở - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm theo dõi và thường xuyên báo cáo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về kết quả thực hiện Thông tư này; định kỳ giúp Bộ tổ chức tổng kết việc thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc để rút kinh nghiệm, đề ra những biện pháp phù hợp cho công tác chỉ đạo trong những năm tiếp theo.

6. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân và công an nhân dân) phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm vận động gia đình, cộng đồng dân cư thực hiện nếp sống văn minh quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2011 và thay thế Thông tư số 04/1998/TT-BVHTT ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện nếp sống văn

minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Các giải pháp bài trừ hủ tục lạc hậu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Tài liệu hội thảo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội, 2010.
2. Cao Thị Ngọc Thủy: *Kinh nghiệm và yêu cầu vận động bà con các dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng “Xây dựng nếp sống văn minh, xóa bỏ các luật tục lạc hậu”*.
3. TS. Trần Hữu Sơn: *Một số vấn đề bảo tồn, phát huy yếu tố tích cực vận động xóa bỏ tập tục lạc hậu trong văn hoá truyền thống ở vùng cao*, 2008.
4. Nguyễn Anh Hùng, Lê Đồng Tấn, Đỗ Như Tiến, Phạm Thái Thái (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên): *Thực trạng chăn nuôi đại gia súc ở huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên*.
5. PGS.TS. Đào Châu Thu (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp bền vững - Đại học Nông nghiệp Hà Nội): *Phương thức canh tác hiệu quả và bền vững trên đất dốc: Những mô hình sản xuất có triển vọng*.
6. Hoàng Quốc Hải: *Văn hóa phong tục*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2005.

7. Ủy ban Dân tộc (Viện dân tộc) - Tổ chức phát triển quốc tế Anh (DFID): *Nghiên cứu về định canh, định cư ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
8. Phạm Lan Oanh: *Hủ tục, tệ nạn và quản lý văn hóa xã hội*, 2009.
9. Nhiều tác giả: *Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2011.
10. Luật bình đẳng giới, Luật giáo dục, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật hôn nhân và gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
I. HỦ TỤC - RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	9
II. BÀI TRỪ HỦ TỤC ĐỂ XÂY ĐỜI SỐNG MỚI	18
III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KINH NGHIỆM BÀI TRỪ HỦ TỤC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ	51
<i>Phụ lục.</i> MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN MINH TRONG VIỆC CƯỚI, VIỆC TANG VÀ LỄ HỘI	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. IÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC  
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN KIM NGA

TRẦN PHƯỢNG TRINH  
NGUYỄN THỊ THÀNH GIANG

Trình bày bìa: THÚY LIỄU

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN THỊ THÀNH GIANG



## **TÌM ĐỌC**

**Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**Cục Văn hóa cơ sở**

**- HỎI ĐÁP VỀ XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN MINH**

**TS. Phạm Thanh Hà**

**- GIỮ GÌN BẢN SẮC DÂN TỘC VIỆT NAM**

**TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY**

**TS. Đoàn Triệu Long**

**- TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM (Hỏi - đáp)**



ISBN:978-604-57-0841-5



9 786045 708415